

Hội hè miên man

Contents

Hội hè miên man	1
1. Chương 01	1
2. Chương 02	3
3. Chương 03	7
4. Chương 04	11
5. Chương 05	17

Hội hè miên man

Giới thiệu

“Hemingway ở đỉnh cao nhất. . . lối viết hoang đại tràn ngập tình yêu và sự cay đắng. . . Trong quyển này, Hemingway

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/hoi-he-mien-man>

1. Chương 01

Một quán rất được trên quảng trường St-Michel

Và thế rồi cũng đến lúc thời tiết trở nên tồi tệ. Nó tới trong đúng một ngày, vào lúc mùa thu vừa tàn. Ban đêm chúng tôi đóng cửa tránh mưa và ngoài kia, trên quảng trường Contrescarpe, từng cơn gió lạnh tuốt sạch lá trên cành. Lá sũng nước và mưa bị gió thổi tạt vào chiếc autobus màu xanh lá cây to dừng đậu trong bến và trong quán café Amateurs ken đặc những người, hơi nóng và khói thuốc phủ một làn sương dày trên cửa sổ. Cái quán buồn tẻ xập xệ ấy là nơi hứng trọn những tay say mềm ở quảng trường, mùi những người thiếu tắm và mùi say xỉn chua lét của họ khiến tôi phải chạy xa. Bọn đàn ông đàn bà thường lui tới quán Amateurs này thuộc diện say thường trực hay say bất cứ khi nào họ còn tiền gọi đồ uống, mà chủ yếu là rượu, họ vẫn thường hay gọi nửa lít hay một lít. Có nhiều nhãn hiệu rượu khai vị lạ lẫm được tiếp thị nhưng không mấy ai có tiền mua, trừ khi để làm bộ phống cho những cốc rượu sau. Người ta gọi phụ nữ say xỉn là các poivrotte, con sâu rượu cái.

Quán Amateurs là cái thùng phân nằm trên phố Mouffetard, con phố chợ hẹp đông đúc rất tuyệt dẫn vào quảng trường Contrescarpe. Trong các ngôi nhà cũ kỹ, bên hông cầu thang ở mỗi tầng là những nhà xí loại ngồi bệt có đúc hai miếng xi măng hình chiếc giày cắt khía, chẽ thành góc cho dân locataire (người thuê nhà) không trượt chân khi ngồi, chất thải tuôn thẳng xuống những thùng phân rồi được bơm tấp vào các thùng đặt trên xe ngựa kéo vào mỗi buổi tối. Những ngày hè khi mở cửa sổ, có thể nghe tiếng bơm phân vào thùng cùng mùi xú uế nồng nặc. Dưới ánh trăng, những chiếc thùng sơn màu nâu và vàng nghệ do ngựa kéo cùng hệ thống trục gắn vào các bánh làm phận sự trên phố Cardinal Lemoine trông như tranh của Braque. Thế nhưng chẳng có ai làm vệ sinh cho quán Amateurs, và tờ quy định luật phạt say nơi công cộng của quán vàng úa dính đầy cứt ruồi, bẩn không khác gì đám khách quen mặt nặng mùi của nó.

Toàn bộ nỗi buồn của thành phố phút chốc ào tới khi những cơn mưa lạnh lẽo đầu tiên của mùa đông rơi xuống, và khi ta dạo bước, không còn thấy đâu nữa mái những ngôi nhà cao màu trắng mà chỉ còn lại sự âm u ướt át của phố phường, cánh cửa đóng kín của những cửa hàng nhỏ, hiệu bán cây thuốc, quầy bán báo và văn phòng phẩm, nhà bà mụ đỡ đẻ - thầy lang vườn - và cái khách sạn nơi Verlaine từ già cỗi trần, mà căn phòng tầng trên cùng là nơi tôi thuê để ngồi viết.

Để leo lên tầng cao nhất phải leo lên sáu hay tám lượt cầu thang, trời rất lạnh và tôi cần phải mua một nhúm cành non, ba túm đóm thông chẻ ngắn bằng nửa cây bút chì buộc thép để mỗi lửa từ đám cành con ấy và một bó gỗ cứng đã sấy qua, để đốt cho ấm phòng nhưng quá biết từng thứ ấy sẽ tốn tiền như thế nào. Thế nên tôi đi ngược phố để nhìn lên những mái nhà trong mưa để ngắm các ống khói đang hoạt động và cách những làn khói tuôn. Nhưng tôi chẳng thấy khói đâu và bắt đầu nghĩ đến những ống khói đang lạnh lẽo hẳn không được ai cạo sạch và nghĩ đến căn phòng ấy thế nào cũng đầy ngập khói, củ lửa phí phạm, tiền bạc theo đó mà bị đốt cùng, và tiếp tục đi trong mưa. Tôi đi xuống trường Henri Đệ Tứ, ngang qua nhà thờ cổ St-Étienne du Mont và quảng trường Panthéon đầy gió rồi cắt ngang qua chỗ trú bên phải, luồn ra phía khuất gió trên đại lộ St-Michel, và tiếp tục đi xuống qua Cluny và chỗ giao với đại lộ St-Germain cho đến khi đến một quán rất được mà tôi biết nằm trên quảng trường St-Michel.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại . . com - góc nhỏ cho người yêu sách.]

Đó là một quán ấm áp, nhẹ nhàng, sạch sẽ và thân thiện. Tôi treo chiếc áo khoác cũ mềm lên giá cho khô, để chiếc mũ rách bướm bạc phếch lên cái kệ phía trên băng ghế và gọi một tách café au lait (café sữa). Anh bồi đem café đến và tôi lấy cuốn sổ cùng cây bút chì trong túi áo ra và bắt đầu viết. Tôi viết về Michigan, và vì lúc này trời đầy gió và bắt đầu lạnh, đầy hoang dại nên ngày trong truyện đang viết cũng thế. Tôi đã trải qua bao ngày thu tàn của thời thơ ấu, thời niên thiếu, thời thanh niên, và thường thì ngồi một nơi khác viết lại những chuyện như thế sẽ hay hơn nhiều. Tôi nghĩ, đây cũng như cách ta gieo trồng lại chính mình, nó cần cho con người cũng như cần cho bất cứ gì đang phát triển. Nhưng bọn trẻ trong truyện đang nhậu nhẹt say sưa khiến tôi cũng khát khô họng nên tôi gọi một rum St-James. Trong ngày lạnh này, mùi vị rượu thơm ngon lạ lùng. Tôi tiếp tục viết, thấy thật dễ chịu và cảm nhận được dòng rum Martinique hảo hạng ấm nóng chạy suốt qua cơ thể lẫn tinh thần.

Một thiếu nữ bước vào đến ngồi một mình ở cái bàn bên cửa sổ. Nàng rất đẹp, khuôn mặt tươi mát như đồng xu bạc mới toanh, loại đồng xu tráng lớp phủ mịn màng nước mưa không đậu lên được, tóc nàng đen nhánh màu cánh quạ, cắt gọn gàng chéo ngang bên má.

Tôi ngắm nàng và nàng làm xáo trộn sự bình yên trong tôi khiến tôi vô cùng phấn khích. Tôi ước gì có thể đưa nàng vào truyện, hay đưa nàng vào bất kỳ đâu nhưng nàng đã có có nơi có chốn để có thể ngồi ngắm được con đường lẫn lối vào và tôi biết nàng đang chờ ai đó nên tôi tiếp tục viết.

Câu chuyện cứ thế tuôn ra và tôi đuổi theo một cách chặt vật. Tôi gọi thêm một rum St-James và ngắm nàng mỗi khi ngẩng lên hay mỗi khi dùng đầu chuốt để gọt bút, nhả vào đĩa lót ly những xoắn dăm bào.

Người đẹp ơi, ta gặp em, và lúc này em thuộc về ta, mặc cho em có đang chờ đợi ai kia hay ta sẽ không bao giờ còn gặp lại em nữa, tôi nghĩ vậy. Em thuộc về ta cũng như cả Paris này thuộc về ta, cũng như ta thuộc về quyển sổ và cây bút này.

Rồi tôi viết và càng viết tôi càng chìm đắm vào câu chuyện. Giờ thì tôi đang viết câu chuyện chứ không phải nó tự tuôn chảy nữa và tôi không ngẩng lên, không ý thức được thời gian, không biết mình đang ở đâu hay có gọi thêm ly rum St-James nào nữa không. Chưa cần nghĩ đến, tôi nghĩ mình cũng đã hết nhu cầu uống St-James. Rồi tôi cũng viết xong truyện và kiệt sức. Tôi đọc lại đoạn cuối, ngẩng lên tìm cô gái nhưng nàng không còn ở đó nữa. Hy vọng nàng gặp được người tử tế, tôi nghĩ. Nhưng tôi cảm thấy thật buồn.

Tôi gấp quyển sổ lại, cho cái truyện vào túi áo trong và gọi người phục vụ đem ra một tá hầu portu-gaise cùng nửa bình rượu trắng. Thường mỗi khi viết xong, bao giờ tôi cũng có cảm giác trống rỗng, pha lẫn muộn phiền và sung sướng, như thể vừa qua một cuộc mây mưa, và tôi biết chắc đây là một cái truyện rất hay dù không thật rõ nó hay đến mức nào cho đến khi đọc lại vào hôm sau.

Khi nhắm nháp món hầu sức mùi biển và tanh tanh mùi kim loại đã bị rượu trắng ướp lạnh đánh bật đi, chỉ còn chứa lại mùi biển và vị thịt hầu ngọt mịn, và húp từng ngụm chất lỏng mát lạnh trong vỏ hầu đi cùng vị rượu tươi rói, cũng là lúc cảm giác trống rỗng tan biến và tôi bắt đầu vui vẻ hơn để lên các kế hoạch.

Giờ đã đến mùa thu của thời tiết xấu, chúng tôi có thể rời Paris một thời gian để đến một nơi nào đấy, nơi thay vì mưa sẽ là tuyết rơi từ những tán thông phủ những con đường và triền đồi cao, hay chúng tôi sẽ đến một miền cao nào đấy nơi mỗi tối đi về dưới chân lại kéo kẹt tiếng băng. Dưới vùng Les Avants người ta có cho thuê một căn nhà gỗ rất tuyệt, ở đó, chúng tôi có thể đọc sách cùng nhau, đêm nằm bên nhau ấm áp trên giường, cửa sổ mở toang, và bên ngoài sao trời vàng vạc. Đó là nơi chúng tôi có thể đến. Đi tàu vé hạng ba cũng không đắt lắm. Tiền ở cũng rẻ hơn nhiều so với Paris.

Tôi sẽ trả phòng khách sạn dùng để ngồi viết và chỉ giữ lại căn phòng thuê bé tí ở 74 rue Cardinal Lemoine. Tôi viết bài cho tờ báo ở Toronto và nhuận bút đã đến kì được nhận. Tôi có thể viết ở bất kì đâu, bất kì lúc nào, và chúng tôi sẽ có tiền trang trải cho chuyến đi.

Có lẽ khi xa Paris tôi sẽ viết được về Paris cũng như ngồi ở Paris viết về Michigan. Tôi không biết như thế liệu có sớm quá không vì tôi cũng chưa hiểu hết được Paris. Nhưng lúc này, đó là cách tôi nhìn nhận sự việc. Dù sao thì chúng tôi cũng sẽ đi một khi vợ tôi muốn, và tôi giải quyết nốt món hầu chiêu với rượu và trả tiền rồi theo lối ngắn nhất lên Montagne St-Geneviève, tôi đi trong mưa, giờ đây đây cũng chỉ là một kiểu thời tiết địa phương chứ không thể làm thay đổi được đời bạn, để về căn phòng nằm trên đỉnh đồi.

“Ý ấy thật tuyệt, Tarie,” vợ tôi nói. Khuôn mặt nàng thon nhẹ, mắt nàng và môi nàng cười sáng bừng như thể quyết định ấy là món quà quá đẹp, “Khi nào chúng ta sẽ đi?”

“Bất cứ khi nào em muốn.”

“Ôi, em muốn ngay bây giờ. Anh không biết sao?”

“Thời tiết có lẽ sẽ sáng sủa và đẹp hơn khi chúng ta quay về. Trời trong và lạnh bao giờ cũng đẹp.”

“Em cũng nghĩ thế,” nàng nói. “Mà anh thật tuyệt khi nghĩ ra chúng mình sẽ đi”.

2. Chương 02

Miss Stein giáo huấn

Khi chúng tôi quay về Paris, trời đã trong veo, lạnh và thật đáng yêu. Thành phố tự điều chỉnh để thích nghi với mùa đông, người ta bày bán các loại củi tốt tại cửa hàng củi và than bên kia đường trên con phố chúng tôi đang ở, các quán café tử tế đặt lò than bên ngoài để sưởi ấm cho những khách ngồi dưới mái hiên. Căn hộ chúng tôi ấm áp và vui tươi. Chúng tôi đốt những viên boulet bột than vo thành nắm hình trứng trong lò sưởi, và bên ngoài phố là ánh sáng tuyệt đẹp của mùa đông.

Giờ đây hình ảnh những cây cối trụi lá nổi bật trên nền trời đã trở nên quen thuộc, và các lối đi rải sỏi chạy qua vườn Luxembourg sạch bong trong gió lạnh cắt da. Khi nhẹ nhõm ngắm nhìn, những cái cây trụi lá trông như tác phẩm điêu khắc, gió đông thổi qua các mặt hồ và những đài phun nước tung tóe nước thành tia trong ánh sáng rạng rỡ. Mọi khoảng cách giờ đây đều ngắn lại kể từ khi chúng tôi từ vùng núi trở về.

Vì có sự thay đổi độ cao, những con đường đồi dốc giờ không còn là vấn đề, ngược lại, tôi còn thấy dễ chịu, việc leo lên tầng cao nhất của khách sạn để làm việc trong căn phòng nhìn ra lớp lớp những mái nhà và ống khói nhô lên từ ngọn đồi cao của khu phố là một điều dễ chịu. Lò sưởi hoạt động tốt khiến căn phòng ấm áp, thật tuyệt để ngồi viết. Tôi đem theo cam và hạt dẻ nướng trong túi giấy, và mỗi khi đói lại bóc những quả cam bé như quả quất rồi ném vỏ và nhả hạt vào lửa khi ăn, cũng như đốt hạt dẻ. Bao giờ đi bộ và cái lạnh và làm việc cũng khiến tôi đói. Trong phòng có chai rượu anh đào chúng tôi đem từ núi về và tôi uống một ngụm kirsch mỗi khi viết đến đoạn kết của truyện, hoặc vào cuối mỗi ngày làm việc. Kết thúc một ngày viết, tôi cất cuốn sổ tay hoặc giấy vào ngăn kéo bàn và cho phần cam còn lại vào túi. Nếu không, ở trong phòng chúng sẽ đông cứng lại vào ban đêm.

Cảm giác thật tuyệt vời khi ta đi xuống từng ấy lượt cầu thang dài và biết mình vừa có được may mắn trong công việc. Tôi luôn viết cho đến khi hoàn thành một cái gì đấy và chỉ dừng lại khi biết câu chuyện tiếp theo sẽ như thế nào. Đó là cách để đảm bảo hôm sau ta có thể nói được mạch viết cũ. Nhưng cũng có khi bắt đầu viết một truyện mới tôi không biết diễn tiến sẽ ra sao, những lúc ấy tôi ngồi trước lò sưởi, vắt nước từ vỏ những quả cam nhỏ vào mép lửa để ngắm nhìn ngọn lửa xanh kêu xèo xèo mà chúng tạo ra. Tôi đứng nhìn ra những mái nhà của Paris và nghĩ, “Đừng lo lắng. Ta vẫn luôn viết được thì giờ thế nào

ta cũng sẽ viết được. Tất cả những gì ta cần là viết một câu chuyện chân thật. Phải viết ra được câu thật nhất mà ta biết.” Và thế là rồi cuộc tôi viết một câu chân thật, rồi từ đó tiếp tục. Khi ấy thì không có gì khó bởi luôn có những câu chân thật mà tôi biết, tôi đã thấy, hay tôi đã nghe từ người khác. Nếu bắt đầu viết một cách hoa lá cành, hoặc giống như ai đó đang giới thiệu hay trình bày một vấn đề, tôi thấy mình có thể cắt bết và vứt đi những thứ hoa văn trang trí, những chạm trổ cầu kỳ ấy, để bắt đầu từ câu đầu tiên rõ ý và đơn giản nhất trong những gì đã viết. Trong căn phòng ở trên cao ấy, tôi quyết định sẽ viết một truyện ngắn cho mỗi thứ mà tôi biết. Và tôi đã cố gắng thực hiện điều ấy trong suốt đời viết, đó là một thứ kỷ luật khắc nghiệt nhưng thật tốt.

Cũng trong căn phòng ấy, tôi hiểu ra rằng một khi đã ngừng bút thì không nên nghĩ về những gì đang viết nữa cho đến khi viết lại vào hôm sau. Đó là cách để tiềm thức tiếp tục làm việc nhưng cùng lúc tôi vẫn nghe được chuyện người khác và quan sát mọi thứ, hy vọng là vậy; bằng cách đó mà học hỏi thêm; và tôi đọc sách để không phải nghĩ về những gì mình đang viết, để không tự làm mòn môi mình. Bước xuống cầu thang khi vừa làm việc tốt xong, thứ cần cả may mắn và kỷ luật, quả là cảm giác tuyệt vời, và lúc này, tôi có thể tự do để lang thang bất kỳ đâu ở Paris.

Buổi chiều, tôi có thể theo những con đường khác nhau dẫn xuống Jardin du Luxembourg, đi qua khu vườn để đến Musée du Luxembourg, nơi trưng bày những kiệt tác hội họa mà nay hầu hết đã được chuyển về Lourve và Jeu de Paume. Hầu như ngày nào tôi cũng đến xem tranh của Cézanne, của Manet hay Monet và những họa sĩ thuộc trường phái Ấn tượng khác mà tôi biết đến lần đầu tại Viện Mỹ thuật Chicago. Từ tranh của Cézanne tôi học được một điều rằng, giữa việc viết một câu đơn giản mà chân thật và một cái truyện tầm cỡ như ta mong muốn là một khoảng cách rất dài. Tôi học được ở ông nhiều điều nhưng không biết nên diễn đạt những điều ấy như thế nào với người khác. Mặt khác đó là bí mật. Và khi Luxembourg xuống đèn, tôi sẽ đi ngược lên qua vườn và ghé vào căn hộ của Gertrude Stein ở 27 rue de Fleurus.

Vợ tôi và tôi đã tự đến giới thiệu mình với Miss Stein, bà và cô bạn sống chung rất niềm nở thân thiện và chúng tôi rất thích căn phòng lớn treo đầy kiệt tác hội họa của bà. Nếu không có cái lò sưởi rất to thì căn phòng không khác gì một trong những phòng trưng bày tranh đẹp nhất của một bảo tàng tinh tế nhất, ở đó, ta có cảm giác ấm áp dễ chịu, được phục vụ thức ăn, trà và các loại rượu chưng cất tự nhiên từ mận tím, mận vàng hay quả mâm xôi dại. Thứ rượu trong veo thơm ngát ấy được chứa trong bình thủy tinh rồi sau đó được rót vào các ly nhỏ, và cho dù làm từ quả quetsche, mirabelle hay framboise thì chúng đều có vị của các loại trái ấy, và được chuyển thành loại lửa kiềm chế trên môi người khiến ta nóng bừng và lỏng cả châu thân.

Miss Stein bề thế nhưng không cao, vóc dáng nặng nề như một nông dân. Bà có đôi mắt đẹp và khuôn mặt mạnh mẽ của người Do Thái gốc Đức, nhưng cũng có thể là của người Friuli, trang phục của bà gợi cho tôi nhớ đến hình ảnh của một bà nông dân gốc Ý, cùng khuôn mặt linh hoạt và mái tóc dày yêu kiều sống động của dân di cư mà bà vẫn vẫn cao như thuở còn đi học. Bà nói huyền thoại và trước tiên là nói về người này người nọ và nơi này nơi kia.

Bà sống chung với một phụ nữ nhỏ người có giọng nói êm ái; bà ta có làn da rất sẫm, tóc cắt theo kiểu Jeanne d’Arc như trong những minh họa của Boutet de Monvel cùng một cái mũi rất khoằm. Lần đầu tiên chúng tôi đến thăm, bà ta đang ngồi thêu, bà vừa thêu vừa để mắt đến việc sắp xếp đồ ăn thức uống và nói chuyện với vợ tôi. Bà tham gia cuộc trò chuyện này nhưng tai vẫn dõi theo hai cuộc trò chuyện khác và thường xuyên xen vào các cuộc nói chuyện không phải của bà. Sau này bà giải thích với tôi rằng bà luôn nói chuyện với các bà vợ. Những bà vợ, vợ tôi và tôi đều cảm thấy, đều được chiếu cố. Nhưng chúng tôi thích Miss Stein và bạn gái của bà, dù bà bạn ấy thật dễ sợ. Tranh và bánh và eau-de-vie (rượu mạnh) quả thật tuyệt hảo. Dường như họ cũng thích chúng tôi và đối xử với chúng tôi như với một bọn trẻ tử tế, biết cư xử và đầy hứa hẹn và tôi cảm thấy họ đã tha thứ cho chúng tôi cái tội đã yêu và đã cưới nhau - thời gian sẽ sửa chữa sai lầm đó - thế nên khi vợ tôi mời họ đến nhà dùng trà, họ đồng ý.

Khi đến căn hộ của chúng tôi, dường như họ còn thích chúng tôi hơn nữa, cũng có thể vì căn hộ quá nhỏ nên chúng tôi ngồi gần nhau hơn. Miss Stein ngồi lên cái giường đặt bệt trên sàn và bảo muốn đọc những cái truyện tôi đã viết rồi nói bà thích chúng, ngoại trừ cái truyện có tên “Up in Michigan”(Trên miệt Michigan).

“Truyện được đấy,” bà nhận xét. “Rõ là thế rồi. Nhưng inaccrochable (nghĩa đen là “bám vào”, “móc vào”). Tức là như một bức tranh họa sĩ vẽ ra nhưng không thể treo trong triển lãm, và sẽ không có ai mua vì họ

cũng không biết phải treo nó như thế nào nữa.”

“Nhưng có vấn đề gì khi nó không xấu, mà chỉ là do tôi cố gắng thể hiện chính xác thứ ngôn ngữ mà người ta vẫn nói trong đời thực? Tôi dùng những từ ấy vì chỉ có chúng mới khiến cái truyện trở nên thật, làm thế là sai sao? Ta buộc phải sử dụng những từ ấy thôi.”

“Nhưng cậu chẳng hiểu gì,” bà nói, “Cậu không được viết ra những cái truyện inaccrochable. Không có ý nghĩa gì cả. Sai lầm và ngớ ngẩn.”

Bà bảo, khi bà muốn đăng truyện trên tờ The Atlantic Monthly là truyện được đăng. Theo bà tôi chưa phải là một nhà văn đủ tầm để in trên đó hay trên tờ The Saturday Evening Post nhưng tôi hoàn toàn có thể trở thành một nhà văn có phong cách với điều đầu tiên luôn phải nhớ là không được viết những truyện inaccrochable. Tôi không tranh luận và cũng không tìm cách giải thích thêm với bà chuyện này trong suốt buổi trò chuyện. Viết là chuyện riêng của tôi và ngồi nghe người khác nói vẫn hay hơn nhiều. Chiều hôm ấy bà cũng chỉ cho chúng tôi cách làm sao để mua được tranh.

“Cô cậu phải chọn hoặc mua quần áo, hoặc mua tranh,” bà nói. “Đơn giản là trừ phi có thật nhiều tiền, còn không thì chẳng thể làm cả hai thứ ấy cùng một lúc được đâu. Đừng để ý đến chuyện ăn mặc, đừng quan tâm chuyện một miếng này nọ, chỉ nên mua quần áo loại ăn chắc mặc bền là được, và như thế cô cậu sẽ có khoản tiền quần áo ấy để mua tranh.”

“Nhưng ngay cả khi suốt đời nhịn mua quần áo,” tôi nói, “chúng tôi cũng không đủ tiền để mua những bức tranh của Picasso mà chúng tôi rất thích.”

“Không. Ông ấy ngoài tầm của cậu. Cậu phải mua tranh của những người cùng lứa - những người cũng đi lính như cậu ấy. Cậu sẽ dễ dàng làm quen với họ thôi. Có thể gặp họ khắp nơi trong khu phố. Bao giờ cũng có những họa sĩ đầy tiềm năng. Nhưng với điều kiện là đừng phung phí tiền mua quần áo. Đó là vấn đề của vợ cậu. Quần áo phụ nữ bao giờ cũng đắt.”

Tôi để ý thấy vợ tránh không nhìn bộ quần áo kỳ dị Miss Stein đang mặc và nàng đã làm được. Khi chia tay chúng tôi vẫn thân thiện, tôi nghĩ thế, và họ mời chúng tôi đến lại 27 rue de Fleurus.

Sau đó, tôi được mời đến căn hộ của họ bất kỳ lúc nào sau năm giờ chiều vào mùa đông. Có lần tôi gặp Miss Stein trong vườn Luxembourg. Tôi không nhớ lúc ấy bà có dắt chó đi cùng không, hay vào thời điểm ấy bà có nuôi con chó nào không. Tôi chỉ nhớ tôi đi tay không vì chúng tôi không có tiền để kham nổi chó, thậm chí một con mèo cũng không, và tôi chỉ biết đến mèo ở các quán café hay trong các quán ăn nhỏ, hay là những con mèo to phát khiếp tôi vẫn thấy qua cửa sổ nhà những người gác cổng. Về sau tôi thường gặp Miss Stein dắt chó đi dạo trong vườn Luxembourg, nhưng tôi nghĩ thời điểm này là trước khi bà bắt đầu nuôi chó.

Nhưng cho dù có chó hay không có chó, tôi vẫn nhận lời mời của bà ghé qua căn hộ, và bà luôn mời tôi loại rượu eau-de-vie chưng cất tự nhiên, thúc giục tôi rót thêm, rồi tôi ngồi đấy xem tranh và trò chuyện. Tranh rất tuyệt và trò chuyện rất hợp. Hầu hết là bà nói, nói về những bức tranh hiện đại và về các họa sĩ - thường là về đời tư nhiều hơn là tác phẩm - rồi nói về công việc của bà. Bà cho tôi xem nhiều tập bản thảo bà viết mà mỗi ngày cô người tình đều đánh máy lại. Ngày nào cũng viết khiến bà thấy vui sướng, nhưng khi biết rõ về bà hơn tôi nhận ra bà chỉ vui sướng chừng nào những sản phẩm tuôn ra đều đặn mỗi ngày ấy, nhiều ít tùy vào năng lượng của bà, được xuất bản và bà phải được đón nhận.

Thời gian đầu khi tôi mới quen bà, nhu cầu được in của bà chưa thành vấn đề quan trọng, vì bà đã đăng ba cái truyện ai cũng cảm nhận được. Một trong những truyện ấy, “Melanctha,” rất hay và là mẫu mực của lối viết thực nghiệm của bà, được in thành sách và được các nhà phê bình, những người đã gặp hay quen biết bà, khen ngợi. Bà có cá tính mạnh đến mức một khi đã muốn kéo ai về phía mình là bà sẽ làm được, và các nhà phê bình đã từng gặp và xem tranh của bà đều kỳ vọng vào những gì bà viết cho dù họ không hiểu, bởi họ hào hứng với con người bà và tin vào sự thẩm định của bà. Bà cũng khám phá ra nhiều nguyên lý hữu lý và hữu dụng về nhịp điệu và các cách dùng từ lặp, đồng thời bà cũng biết cách truyền đạt những khám phá ấy một cách hấp dẫn.

Mặc dù muốn in và muốn được thừa nhận nghiêm túc, nhưng bà lại ghét phải lao tâm khổ tứ sửa chữa bản thảo hay diễn đạt lại câu văn cho dễ hiểu, đặc biệt là với cuốn sách dài đến khó tin The Making of

Americans.

Cuốn sách mở đầu rất tuyệt, tiếp tục với những phát triển hấp dẫn và xán lạn nhưng sau đấy trở nên dài lê thê, lặp đi lặp lại, mà một nhà văn chu đáo và bớt lười biếng hơn một chút sẽ vứt vào sọt rác. Tôi biết rất rõ vì tôi đã nhớ - ép buộc thì chắc là đúng hơn - Ford Madox Ford đăng cuốn sách thành nhiều kỳ trên tờ The Transatlantic Review, mà biết rằng hết cả đời tạp chí cái truyện cũng chưa chắc in xong. Để gửi đăng nó tôi phải đọc biên tập toàn bộ bản nháp của Miss Stein vì bà không thích làm việc ấy.

Vào cái buổi chiều lạnh giá tôi đi ngang qua nhà người gác cổng và cái sân lạnh để bước vào sự ấm áp của căn hộ ấy, những chuyện trên vẫn chưa diễn ra. Ngày hôm ấy, Miss Stein chỉ bảo tôi về tình dục. Đó là thời gian chúng tôi cực kỳ quý mến nhau và tôi hiểu rằng bất kỳ những gì mình không hiểu đều rất có khả năng liên quan đến chuyện ấy. Miss Stein cho rằng tôi thiếu giáo dục tử tế về tình dục và tôi phải thú nhận rằng tôi có một vài thành kiến chống lại chuyện đồng tính, bởi tôi mới biết một vài khía cạnh sơ khai nguyên thủy của nó mà thôi. Tôi biết vì sao mà, khi hãy là một thằng bé, bao giờ ta cũng phải kè kè con dao bên mình và sẵn sàng dùng nó mỗi khi nhập hội với bọn đầu trâu mặt ngựa, vào cái thời mà từ lóng “sói” còn chưa đủ dùng để chỉ bọn đàn ông nghiện săn đuổi phụ nữ. Tôi còn biết nhiều câu, nhiều từ lóng inaccrochable trong những ngày sống ở Kansas City cũng như biết nhiều điều khác ở các khu vực khác nhau của thành phố ấy, ở Chicago và trên những thuyền quanh hồ. Tôi cố gắng giải thích cho Miss Stein hiểu rằng, khi một thằng bé phải gia nhập thế giới của bọn đàn ông, nó phải sẵn sàng giết người, phải biết cách giết như thế nào, và nó phải thực sự tin rằng sẽ ra tay không hề ngần ngại, có thể thì bọn kia mới để yên cho nó. Chuyện ấy rất inaccrochable. Nếu ta biết là ta sẵn sàng giết người, những kẻ khác sẽ cảm nhận được điều đó ngay lập tức và buông tha; nhưng có những tình huống cụ thể mà ta không nên để mình dấy vào hay bị lôi kéo vào. Chắc hẳn tôi có thể tự mình diễn tả điều đó một cách hình ảnh hơn bằng cách dùng cụm từ inaccrochable mà lũ sói vẫn dùng trên thuyền, “À mày không sợ bị cắt chim mà vẫn cứ sấn tới thì tao sẽ moi mất mày.” Nhưng tôi luôn luôn thận trọng với ngôn từ của mình khi nói chuyện với Miss Stein, mặc dù một câu đầy chất đời có thể làm rõ hay biểu đạt tốt hơn một định kiến.

“Đúng rồi, đúng rồi, Hemingway ạ,” bà nói. “Nhưng môi trường anh sống chỉ có bọn tội phạm và đòi trụ.”

Tôi không muốn tranh cãi, mặc dù tôi nghĩ tôi từng sống trong thế giới hiện thực như nó vẫn luôn thế với đủ loại người và tôi cố gắng hiểu họ, bắt chước có những người tôi không thích và thậm chí còn ghét nữa.

“Thế thì phải nói sao về chuyện khi tôi nằm trong bệnh viện ở Ý, có một ông gì nhân cách lỏng lẻo, một danh nhân, đến thăm mang theo quà là một chai Marsala hoặc Campari và rất bất thiệp, rồi đến một ngày, tôi phải yêu cầu y tá cấm cửa không cho ông ấy đến phòng tôi nữa?” tôi hỏi.

“Loại người ấy mắc bệnh bất lực, và cậu nên thương hại họ.”

“Tôi nên thương hại ư?” tôi hỏi. Hôm ấy thì tôi nói tên của ông gì ra nhưng ông ta thích tự mình trưng tên đến mức tôi cảm thấy không cần thiết phải nói tên ông ta nữa.

“Không, lão ấy sa đọa. Lão làm hỏng người khác, lão thật đồi bại.”

“Nhưng ông ấy được xem là một nhà văn có tài.”

“Không thể được,” bà nói. “Lão ấy chỉ là một tay diễn trò và thích làm hư hỏng người khác và lôi kéo họ vào những trò đồi bại. Ma túy, ví dụ thế.”

“Nhưng ở Milan ông già mà tôi nên thương hại có làm hư hỏng tôi đâu.”

“Đừng vớ vẩn. Làm sao ông ấy làm cậu hư hỏng được? Với một tay uống rượu như cậu, một chai Marsala có làm hỏng người được không? Không, đấy là một lão già đáng thương, không kiểm soát được điều mình đang làm. Lão bệnh, tuyệt vọng và cậu nên thương hại lão.”

“Lúc ấy tôi cũng làm thế,” tôi nói. “Nhưng tôi buồn vì ông ấy bất thiệp lắm.”

Tôi nhấp một ngụm eau-de-vie, động lòng trắc ẩn với ông già ngấm bức thiếu nữ khỏa thân bên giỏ hoa của Picasso. Tôi không khơi lại chuyện và tôi nghĩ câu chuyện cũng trở nên hơi nguy hiểm rồi. Thường thì không bao giờ có khoảng lặng trong một cuộc trò chuyện với Miss Stein, nhưng lúc này chúng tôi im lặng và dường như bà muốn nói với tôi điều gì đó, và tôi rút đầy ly của mình.

“Cậu thật sự chẳng biết gì về chuyện này. Hemingway à,” bà nói. “Cậu gặp toàn những tay tội phạm và những kẻ bệnh hoạn, những loại hư hỏng có tên tuổi. Vấn đề mấu chốt là những gì đàn ông đồng tính làm với nhau đều rất tởm và rất phản cảm, để rồi sau đó họ ghê tởm chính họ. Họ uống rượu và chơi thuốc hòng làm giảm nhẹ điều đó đi, nhưng họ kinh tởm hành vi của họ và họ thay đổi bạn tình thường xuyên và không thể nào tìm thấy cảm giác hạnh phúc đích thực.”

“Vâng.”

“Phụ nữ thì ngược lại. Họ chẳng làm gì để phải ghê tởm và không có gì phải sợ, và sau đó họ vui vẻ và có thể sống hạnh phúc cùng nhau.”

“Vâng,” tôi nói. “Nhưng còn người này người kia thì sao?”

“Đấy là thứ gái sa đọa,” Miss Stein nói. “Thật sự sa đọa, vì thế con bé ấy sẽ không bao giờ hạnh phúc trừ phi đi với người mới. Nó hủy hoại người khác.”

“Tôi hiểu rồi.”

“Cậu có chắc là hiểu thật không?”

Trong những ngày ấy, có rất nhiều điều cần phải hiểu và tôi mừng khi chúng tôi nói về chuyện khác. Công viên đã đóng cửa thành thử tôi phải đi men theo phố Vaugirard để tránh đoạn cuối vườn. Thật buồn vì người ta đã đóng và khóa cửa công viên và thế là tôi lơ phơ đi vòng thay vì vào trong, rồi nhanh chóng theo phố Cardinal Lemoine để về nhà. Ngày cũng đã bắt đầu một cách xán lạn. Ngày mai tôi cần phải làm việc cật lực. Công việc sẽ chữa lành hầu như mọi thứ, khi ấy tôi tin thế, và giờ đây tôi cũng tin như thế. Tất cả những gì tôi cần chữa lành, đúng như Miss Stein thấy, là tuổi trẻ và tình yêu người vợ. Khi về đến nhà trên phố Cardinal Lemoine, trong tôi không còn đọng lại chút gì cảm giác buồn bã và tôi kể cho vợ nghe những hiểu biết mới vừa thu nhận được. Trong đêm, chúng tôi hạnh phúc với những hiểu biết của riêng chúng tôi từ trước, cùng những hiểu biết vừa có được khi ở núi về.

3. Chương 03

“Une génération perdue”

Rất dễ hình thành cái thói quen chiều chuộng nào cũng ghé qua 27 rue de Fleurus để nhấm nháp sự ấm áp, ngắm các kiệt tác hội họa và trò chuyện. Miss Stein thường không có khách, bà lúc nào cũng thân mật và trong suốt một thời gian dài, là người rất tình cảm. Mỗi khi tôi đi về từ các hội nghị chính trị, từ vùng Cận Đông hay từ Đức nơi hãng thông tấn Canada của tôi đặt văn phòng, bà đều yêu cầu tôi kể lại tất cả những tình tiết thú vị. Có những chuyện buồn cười mà bà rất thích và có cả những chuyện mà người Đức gọi là đùa gở. Bà muốn biết thế giới đang diễn ra vui vẻ như thế nào; không chuyện thực, không chuyện sâu bi.

Tôi còn trẻ và cũng không rầu rĩ nên luôn có khối chuyện vừa khôi hài vừa lạ lùng thu thập được trong thời kỳ khốn nạn ấy để làm quà, mà Miss Stein bao giờ cũng thích. Những chuyện khác tôi không kể ra mà để dành cho riêng mình viết.

Những lúc không đi xa, tôi ghé qua phố Fleurus mỗi khi làm việc xong, và thỉnh thoảng tìm cách kéo Miss Stein bàn luận chuyện sách. Trong quá trình viết, mỗi khi xong việc, tôi cần đọc. Nếu cứ nghĩ mãi về những gì đang viết, ta sẽ làm tan biến hết những gì định viết ngày hôm sau. Cần phải tập thể dục, cần phải làm cho cơ thể nhừ tử, và sẽ rất tuyệt nếu được ngủ với người ta yêu. Được thế thì còn gì bằng. Nhưng sau đó, khi cả người trở nên trống rỗng, ta cần đọc để không phải nghĩ hay bận tâm về điều mình đang viết cho đến khi ngồi viết trở lại. Tôi học được một điều rằng chớ vét sạch cái giếng nguồn của sự viết mà phải biết chứa lại một ít ở đáy khi dừng lại, để mạch nguồn làm đầy giếng lại qua đêm.

Để đầu óc rũ sạch khỏi chuyện viết lách sau khi làm việc, tôi thường đọc các tác giả thời ấy như Aldous Huxley, D. H. Lawrence hoặc bất cứ cuốn sách nào tôi kiếm được từ thư viện của Sylvia Beach hay đọc kè sông.

“Huxley là một thầy ma,” Miss Stein nói. “Sao lại đọc một thầy ma như thế? Cậu không thấy gã thực sự chết rồi sao?”

Hồi đó tôi không thấy ông ấy là một thầy ma. Tôi bảo tôi rất thích các tác phẩm của ông ấy và chúng giúp tôi không phải nghĩ gì khác.

“Cậu nên đọc những thứ hay thực sự, hoặc đỡ một cách chân thành.”

“Cả mùa đông này lẫn mùa đông trước, tôi toàn đọc sách hay, mùa đông tới cũng thế. Nhưng tôi không thích những cuốn sách đỡ một cách chân thành.”

“Thế sao cậu lại đọc thứ ảm ương đó? Hemingway ạ, đấy là thứ văn chương rác rưởi khoa trương, thứ văn chương của một thầy ma.”

“Tôi thích kiểu văn ấy,” Tôi đáp. “Nó giúp tôi không phải nghĩ đến những gì mình đang viết.”

“Thế, cậu còn đọc ai khác nữa?”

“D. H. Lawrence,” Tôi nói. “Ông ấy có mấy truyện ngắn cực hay, như cái truyện The Prussian Officer” (Viên sĩ quan Phổ) chẳng hạn.”

“Tôi đã thử đọc tiểu thuyết của ông ấy. Không chấp nhận được. Quá sướt mướt, quá ngớ ngẩn. Viết cứ như bệnh ấy.”

“Tôi thích Son and Lovers và The White Peacock,” tôi đáp. “Dù có thể không hay lắm. Nhưng tôi chịu, không thể nào đọc nổi Women in love.”

“Nếu cậu không muốn đọc những gì dở mà chỉ đọc những gì thích và được thể hiện một cách kỳ khu, cậu nên đọc Marie Belloc Lowndes.”

Tôi chưa bao giờ nghe đến tên bà và Miss Stein cho tôi mượn quyển The Lodger, câu chuyện tuyệt vời về Jack Kê Mổ Bụng và một quyển khác nói về vụ án mạng bên ngoài Paris, hẳn là vùng Enghien les Bains. Cả hai quyển ấy để đọc sau một ngày làm việc thì quả là tuyệt, nhân vật rất thuyết phục, với hành động và nỗi khiếp sợ rất thật. Khi xong việc, đọc những quyển như thế thì nhất và tôi đọc tất cả những sách của Marie Belloc Lowndes mà tôi tìm thấy. Có rất nhiều nhưng không có quyển nào sánh được với hai quyển đầu tiên và tôi không tìm thấy quyển nào khác đáng giá đọc để tiêu cho hết thời gian thừa thãi của ngày hoặc đêm, cho đến khi những tác phẩm tinh tế đầu tiên của Simenon xuất hiện.

Tôi nghĩ có lẽ Miss Stein cũng thích những cuốn xuất sắc của Simenon - cuốn đầu tiên tôi đọc là L'Ecluse Numéro I hay La Maison du Canal (“Đập chắn số 1” và “Ngôi nhà bên bờ kênh”) gì đấy - nhưng tôi cũng không chắc vì tôi biết Miss Stein không thích đọc tiếng Pháp mặc dù bà thích nói ngôn ngữ ấy. Hai quyển Simenon đầu tiên tôi đọc là nhờ Janet Flanner đưa cho. Cô thích đọc tiếng Pháp và đã đọc Simenon từ khi ông còn là phóng viên chuyên viết về tội phạm.

Trong ba bốn năm làm bạn tốt của nhau, tôi không nhớ có khi nào Gertrude Stein nói tốt về một nhà văn nào nếu người ấy chưa viết khen tác phẩm của bà, hoặc chưa làm gì đấy để thúc đẩy sự nghiệp của bà, ngoại trừ Ronald Firbank, và sau này là Scott Fitzgerald. Khi tôi gặp bà lần đầu tiên, bà không nói về Sherwood Anderson như một nhà văn, mà ca ngợi tư cách đàn ông, đôi mắt to đẹp, ăm ắp kiểu Ý, và sự tốt bụng lịch lãm của ông. Tôi thì không quan tâm đến những thứ như mắt to đẹp ăm ắp kiểu Ý mà rất thích một vài truyện ngắn của ông. Chúng có văn phong giản dị, đôi khi có nghệ thuật rất cao và ông hiểu các nhân vật mình đang viết và chăm chút chúng một cách cẩn thận. Nhưng Miss Stein không muốn nói về truyện của ông mà chỉ thích nói về ông ở góc độ con người.

“Thế tiểu thuyết của ông ấy thì sao?” Tôi hỏi. Bà không muốn nói nhiều về tác phẩm của Anderson cũng như truyện của Joyce. Nếu bạn đề cập đến truyện của Joyce đến lần thứ hai thì không bao giờ bà mời bạn quay lại lần nữa. Vì như thế chẳng khác nào đi ca ngợi vị tướng này trước mặt một vị tướng khác. Bạn phải biết rút kinh nghiệm khi phạm phải sai lầm như thế. Dẫu vậy, ta vẫn có thể nói chuyện tướng tá nếu vị tướng đang ngồi nghe là kẻ chiến thắng. Và vị tướng đang ngồi nghe bạn kể chuyện ấy thế nào cũng hết lời ca ngợi ông thua trận, rồi kể thêm chi tiết mình đã đánh bại vị tướng kia thế nào.

Truyện của Anderson quá hay nên không đem ra làm vui cuộc trò chuyện được. Tôi đã định nói với Miss Stein rằng tiểu thuyết của ông ấy kém một cách lạ kỳ, nhưng nếu thế cũng là một sai lầm, vì đã dám chê một trong những người hâm mộ trung thành nhất của bà. Khi ông viết cuốn tiểu thuyết sau cùng có cái tên Dark Laughter, một cuốn đỡ tệ hại, đỡ tầm thường, đỡ khó chịu đến nỗi tôi không thể không nhận xét nó

trong một cuốn sách giấu nhại (Tức là quyển *The Torrents of Spring*), Miss Stein rất giận. Tôi đã tấn công người của bà. Nhưng nhìn chung, trong cả thời gian dài trước đó, bà chẳng bao giờ nổi giận. Chính bà bắt đầu tung hô Sherwood hết sức hào phóng sau khi ông không viết được nữa.

Miss Stein từng nổi điên với Ezra Pound vì ông đã hấp tấp ngồi lên cái ghế vừa nhỏ vừa yếu và rõ là bất tiện mà có thể ai đó đã đưa cho ông do có ý đồ, và ông lại còn làm nứt hoặc gãy nó. Còn dầu ông có là một nhà thơ vì đại, một quý ông lịch lãm tốt bụng và đáng lẽ chỉ ngồi được ghế cỡ bình thường thì cũng mặc. Các lí do khiến bà rất ghét Ezra, một cách tinh vi và hiểm độc, nhiều năm sau này bà mới bịa ra.

Khi từ Canada quay trở lại, chúng tôi dọn về sống ở phố Notre -Dame-les-Champs, đó là quãng thời gian mà Miss Stein và tôi hằng còn là bạn tốt của nhau, và đó chính là thời điểm Miss Stein đưa ra nhận xét về thế hệ bỏ đi. Chiếc xe Ford Model T cũ kỹ của bà có trục trặc ở hệ thống đánh lửa và bà lái đến gửi ở garage để người ta sửa, thợ làm ở đấy là một thanh niên từng phục vụ trong quân đội vào năm cuối của cuộc chiến tranh, và anh này hoặc do tay nghề kém, hoặc không muốn phá luật ưu tiên, đã không chữa chiếc Ford của Miss Stein trước. Tóm lại là anh đã không *sérieux* (nghiêm túc) và đã bị patron (ông chủ) của garage mắng cho một trận toí bởi khi ông chủ bị Miss Stein phản ánh. Patron nói với anh ta: “Cả bọn chúng mày là một *génération perdue*.”

“Anh cũng thế, cả bọn các anh đều thế,” Miss Stein nói: “Tất cả bọn trẻ. Những kẻ tham gia chiến tranh. Tất cả đều là một thế hệ bỏ đi.”

“Thật sao?” Tôi nói.

“Các anh là như vậy đấy,” bà nhắc lại. “Các anh không tôn trọng cái gì hết. Các anh chỉ biết uống đến chết...”

“Anh chàng thợ máy cũng say sao?” Tôi hỏi.

“Dĩ nhiên là không.”

“Bà có thấy tôi say bao giờ chưa?”

“Chưa. Nhưng bọn bạn bè của cậu thì có.”

“Tôi đã từng say đấy,” tôi nói. “Chỉ không say khi đến đây thôi.”

“Dĩ nhiên là không. Tôi không nói thế.”

“Patron của anh chàng kia chắc đã say mèm từ mười một giờ trưa,” tôi đáp. “Thế nên lão mới nói được những câu hay ho như thế.”

“Đừng cãi tôi, Hemingway,” Miss Stein nói. “Chẳng ích gì đâu, tất cả các cậu đều là thế hệ bỏ đi, lão chủ garage nhận xét chính xác đấy.”

Sau này, khi viết quyển tiểu thuyết đầu tiên, tôi đã cố gắng cân đối câu Miss Stein dẫn lời từ lão chủ kia với câu của sách *Giảng viên*. Nhưng đêm ấy khi đi bộ về, tôi nghĩ đến người thanh niên làm trong garage, không biết liệu anh ta có từng bị nhồi nhét trong một chiếc xe cải tiến thành xe cứu thương không. Tôi vẫn nhớ những xe nặng trĩu thương binh cháy phanh khi lao xuống đường núi, phải dùng đến hộp số và cuối cùng chuyển sang số lùi, tôi nhớ cảnh những chiếc xe không cuối cùng bị hất xuống sườn núi, để thay bằng những chiếc Fiat loại lớn với hệ thống sang số khỏe hơn cùng loại má phanh cặp kim loại. Tôi nghĩ về Miss Stein và Sherwood Anderson cùng sự ích kỉ, về trạng thái tri trệ trong đầu óc đối lại với tính kỷ luật, và tôi nghĩ ở đây ai mới nên gọi là thế hệ bỏ đi? Rồi tôi đi đến chỗ *Closerie des Lilas* ngắm ánh sáng soi trên ông bạn cũ của tôi, bức tượng thống chế Ney tay rút kiếm, tán cây phủ bóng lên lớp da đồng, ông đứng đó đơn độc không ai phía sau, ông đã từng có một thất bại lố bịch kinh khủng ở trận Waterloo, và tôi nghĩ mọi thế hệ đều mất mát theo một cách nào đấy, luôn luôn đã và luôn luôn sẽ mất, rồi tôi dừng ở *Lilas*, bên bạn tượng đồng và uống một ly bia lạnh trước khi về căn phòng nhỏ nằm trên xướng cửa. Khi ngồi đó với bia trong tay ngắm nhìn tượng và nhớ lại bao nhiêu ngày Ney, với tư cách cá nhân, đã cùng quân hậu tập của Napoléon chiến đấu khi Napoléon tháo chạy khỏi Matxcơva trên xe ngựa cùng Caulaincourt, tôi nghĩ đến một Miss Stein thuở nào đây cảm xúc và âm áp, nhớ những lời tuyệt vời bà dành cho Apollinaire và cái chết của ông trong ngày Đình chiến 1918 giữa đám đông gào “à bas Guillaume” (Đả đảo Guillaume) và trong cơn mê sáng Apollinaire nghĩ bọn họ đang chửi bởi mình, và tôi nghĩ, mình sẽ làm mọi cách để giúp bà sao

cho bà được đền đáp xứng đáng với những gì bà bỏ công viết, và Chúa cùng Mike Ney sẽ giúp tôi. Ngoại trừ cuộc nói chuyện khốn nạn với bà về thể hệ bỏ đi cùng các gán ghép dễ dãi bản thủ khác. Khi về đến nhà, bước vào sân và lên phòng, tôi gặp lại vợ cùng con trai và con mèo F. Puss của nó, tất cả đều hạnh phúc và trong lò sưởi lửa đang thấp. Tôi nói với nàng, “Em biết không, Gertrude dù gì thì cũng dễ thương.”

“Tất nhiên rồi, Tatie.”

“Nhưng có lúc bà ấy nhả ra toàn thứ rác rưởi.”

“Em chưa bao giờ nghe bà ấy nói,” nàng đáp. “Em là vợ. Nên chỉ bạn của bà nói chuyện với em thôi.”

Shakespeare and Company

Những ngày ấy muốn mua sách cũng không có tiền. Tôi mượn sách từ một thư viện có tên Shakespeare and Company, vốn vừa là thư viện, vừa là hiệu sách của Sylvia Beach ở 12 rue de l’Odéon. Giữa con phố đầy gió lạnh buốt, đây quả là nơi ấm áp, vui vẻ nhờ cái lò sưởi lớn trong mùa đông, với bàn và kệ, những quyển sách mới nằm bên cửa sổ, và trên tường là ảnh các nhà văn nổi tiếng, còn sống hay đã qua đời. Những bức ảnh như những cú bấm máy bất chợt khiến nhà văn đã chết trông như đang còn sống. Sylvia có khuôn mặt rõ nét như tượng, sống động, đôi mắt nâu sinh động như mắt của loài thú nhỏ và gợi tình như mắt một cô gái trẻ, tóc bà nâu nâu gợn sóng chải ngược cái trán xinh xắn, cắt ngang dày phía dưới tai, mép chạm bờ cổ áo khoác nhung màu nâu. Bà có đôi chân đẹp và bà tốt bụng, vui vẻ, nhiệt tình, thích nói đùa và tán gẫu. Tôi chưa thấy ai tốt với mình như thế.

Tôi rất ngượng khi lần đầu tiên đến hiệu sách và không mang đủ tiền để đăng ký vào thư viện. Bà bảo tôi khi nào có tiền đặt cọc cũng được và bà làm cho một thẻ đọc sách rồi bảo có thể lấy bao nhiêu sách tùy ý.

Chẳng có lý do gì khiến bà phải tin tôi cả. Bà không biết tôi, còn cái địa chỉ 74 rue Cardinal Lemoine tôi đưa cho bà thì chắc không còn chỗ ở nào tồi hơn thế. Nhưng bà vẫn vui vẻ duyên dáng đón chào và phía sau bà, cao đến tận trần nhà kéo dài đến tận phòng sau thông với lối vào sân trong tòa nhà, là những kệ và kệ đầy sách của một thư viện phì nhiêu.

Tôi bắt đầu với Turgenev và mượn hai tập A Sportsman’s Sketches cùng một quyển thuộc thời kỳ đầu của D. H. Lawrence, hình như là Sons and Lovers, và Sylvia bảo tôi cứ lấy thêm sách nếu muốn, thế là tôi chọn Chiến tranh và hòa bình, bản dịch của Constance Garnett, và quyển Con bạc và những truyện khác của Dostoyevsky.

“Chờ đọc cho hết đồng sách ấy thì còn lâu cậu mới quay lại,” Sylvia nói.

“Tôi sẽ quay lại để trả tiền,” tôi nói, “Tôi còn một ít ở nhà.”

“Ý tôi không phải thế,” bà nói. “Cậu có thể thanh toán bất cứ khi nào thấy tiện thôi.”

“Khi nào Joyce đến?” tôi hỏi.

“Ông ấy nếu có đến thì cũng thường vào chiều muộn,” bà nói. “Cậu chưa bao giờ gặp ông ấy à?”

“Chúng tôi có thấy ông ấy đi ăn cùng gia đình ở nhà hàng Michaud,” tôi đáp. “Nhưng nhìn người khác đang ăn thật bất lịch sự, vả lại, Michaud đắt lắm.”

“Cậu ăn ở nhà sao?”

“Hầu như thế,” tôi đáp. “Chúng tôi có thuê một người làm bếp giỏi.”

“Khu cậu ở không có quán ăn phải không?”

“Vâng. Sao bà biết?”

“Larbaud sống ở đó,” bà đáp. “Ông ấy thích khu đó lắm trừ mỗi việc ấy.”

“Muốn tìm quán ăn gần nhất giá cả phải chăng mà ăn được thì phải đi qua bên kia Panthéon.”

“Tôi không rành khu ấy lắm. Chúng tôi ăn ở nhà. Hai vợ chồng cậu hôm nào đến chơi.”

“Bà phải chờ xem tôi có trả tiền sách không đã chứ,” tôi nói. “Nhưng cũng cảm ơn bà rất nhiều.”

“Đừng đọc vội quá,” bà nói.

Căn hộ ở phố Cardinal Lemoine có hai phòng không nước nóng, bên trong không có đồ vệ sinh nào khác ngoài một cái xô khỉ trùng, nhưng không đến nỗi tệ với những ai đã quen kiểu ngồi xí ngoài đồng ở Michigan. Căn phòng vui tươi đầy sinh khí nhìn ra một không gian đẹp, trên sàn là đệm lò xo êm ái làm giường, và trên tường treo những bức tranh chúng tôi yêu thích. Tôi tha đồng sách về nhà và kể cho vợ nghe mình vừa tìm được một chốn tuyệt vời như thế nào.

“Nhưng Tatie, chiều nay anh phải quay lại trả tiền cho người ta,” nàng nói.

“Chắc chắn rồi,” tôi đáp. “Cả anh và em cùng đi. Rồi chúng mình đi bộ xuống dọc kè bờ sông.”

“Xuống bên phố Seine nữa, xem hết mấy phòng tranh ở đấy và ngắm cửa hàng.”

“Tất nhiên rồi. Chúng ta sẽ đi khắp nơi rồi ghé vào một quán mới nào đó mà ta không biết ai, không ai quen biết ta và uống gì đó.”

“Có thể uống hai ly.”

“Rồi ăn gì đó.”

“Không được. Đừng quên phải để dành tiền trả cho thư viện.”

“Chúng ta sẽ về ăn ở nhà và sẽ có một bữa ấm áp với rượu Beaune mua từ cửa hàng ở bên kia, mà đứng chỗ cửa sổ nhà mình nhìn sang em có thể thấy cả bảng giá của Beaune dán ngay trên cửa ấy. Sau đó, chúng ta đọc sách rồi lên giường và làm chuyện đó.”

“Chúng ta sẽ không bao giờ yêu ai khác mà chỉ yêu nhau thôi.”

“Phải. Không bao giờ.”

“Ôi, một chiều tuyệt vời, một tối tuyệt vời. Bây giờ ta nên đi ăn trưa.”

“Anh đói lắm rồi,” tôi nói. “Anh ngồi làm việc ở quán café với mỗi một cốc café crème.”

“Sao lại thế, Tatie?”

“Anh thấy không sao cả. Hy vọng thế. Trưa nay mình ăn gì đây?”

“Một ít củ cải, gan bò loại ngon cùng khoai tây băm và xà lách rau diếp. Có bánh táo nữa.”

“Và có tất cả sách trên đời này để đọc, và chúng ta có thể đem theo khi đi đây đó.”

“Thật sao?”

“Chắc chắn.”

“Bà ấy cũng có sách của Henry James à?”

“Đương nhiên.”

“Ôi trời,” nàng kêu lên. “Thật may khi tìm ra một nơi như thế.”

“Chúng mình luôn gặp may,” tôi nói, và thật khờ khạo khi không gõ vào gõ để phỉ thui. Trong khi khắp nhà đâu đâu cũng là gỗ để muốn thì cứ việc gõ vào.

4. Chương 04

Người sông Seine

Từ trên phố Cardinal Lemoine có nhiều lối đi xuống bờ sông. Cách ngắn nhất là đi thẳng một mạch theo con phố, nhưng lối ấy dốc và khi vừa đi xuống đến phần đất bằng bằng qua đầu đại lộ St-Germain đông đúc xe cộ thì chỉ còn mỗi một bờ sông dài đầy gió hoang vắng ẩm đạm với Halle aux Vins nằm bên phải. Đó là nơi chẳng giống cái chợ nào ở Paris, mà là kiểu kho ngoại quan chứa rượu chờ nộp thuế và buồn tẻ không khác gì nơi chứa hàng quân nhu hay một trại tù.

Bên kia nhánh sông Seine là Ile St-Louis, hòn đảo có những con đường hẹp, những ngôi nhà cao, đẹp mà cũ, và ta có thể đi qua đó hay có thể rẽ trái theo kè sông đi suốt chiều dài Ile St-Louis rồi nếu đi tới nữa sẽ thấy đối diện là Notre-Dame và Ile de la Cité.

Những quầy sách dọc kè sông thỉnh thoảng có bán sách Mỹ vừa mới xuất bản với giá rất bèo. Thời gian ấy, quán Tour d'Argent có dành ra một vài phòng trên gác để cho thuê, người thuê phòng được giảm giá khi ăn ở quán, và nếu khách trọ ở đấy vứt lại sách, những người hầu phòng sẽ bán chúng lại cho quầy sách ở gần kè sông. Và ta có thể mua lại từ bà chủ quầy với giá vài franc. Bà không đánh giá cao loại sách tiếng Anh, mua giá rất bèo, và bán ngay nếu kiếm được chút lãi nhanh gọn.

“Mấy quyển ấy có hay không?” bà hỏi tôi sau khi đã quen thân.

“Thỉnh thoảng cũng được một quyển.”

“Làm sao biết?”

“Đọc xong thì tôi biết.”

“Nếu thế khác nào đánh bạc. Thế có nhiều người đọc tiếng Anh không?”

“Bà cứ giữ sách ở đấy rồi tôi đến xem qua.”

“Không, tôi không giữ được. Anh có ghé đều đặn đâu chứ. Mỗi lần anh biến mất là hơi lâu đấy. Tôi mà bán được là bán ngay. Không ai nói cho tôi biết chất lượng mấy quyển này thế nào. Chứ nếu biết không có giá trị thì tôi chẳng bao giờ mua bán loại này.”

“Thế bà làm sao biết một quyển sách Pháp có giá trị?”

“Trước tiên là có ảnh. Rồi đến chất lượng của ảnh. Sau đó là phần đóng gáy. Nếu đó là một quyển sách hay, người chủ sẽ đóng gáy cẩn thận. Tất cả sách tiếng Anh đều có đóng gáy, nhưng xấu vô cùng. Không có cách nào xác định được giá trị của chúng.”

Ngoài quầy sách gần Tour d'Argent, không có quầy nào bán sách tiếng Anh nữa cho đến tận kè Grands Augustins. Từ đấy cho đến bên ngoài kè Voltaire có rất nhiều quầy bán sách Anh, Mỹ thu mua được từ các nhân viên làm việc trong các khách sạn bên tả ngạn sông, nhất là từ khách sạn Voltaire nơi có nhiều khách xin hơn hết thảy. Một ngày nọ, tôi hỏi bà chủ ở một quầy sách khác, một trong những người bạn của tôi, rằng có khi nào chủ sách đem sách đi bán không.

“Không,” bà đáp. “Toàn là sách bị vứt đi ấy chứ. Thế nên người ta mới biết đấy là loại vô giá trị.”

“Họ được bạn bè tặng để đọc khi đi trên tàu thủy ấy mà.”

“Chắc thế,” bà nói. “Hắn còn có cả đồng bị vứt lại trên ấy.”

“Đúng thế,” tôi nói. “Nhà tàu giữ mớ sách ấy, đóng gáy lại rồi cho vào thư viện của tàu.”

“Thế là thông minh,” bà nói. “Ít ra bọn họ còn biết cách đóng gáy sách đúng cách. Phải thế trông mới có giá trị.”

Tôi thường đi dạo dọc bờ sông mỗi khi xong việc hoặc cần tập trung suy nghĩ. Đi dạo và làm gì đó, hoặc xem ai đó giở tay nghề đang làm việc sẽ giúp suy nghĩ sáng sủa hơn. Phía đầu Cité, dưới chân cầu Pont Neuf nơi đặt tượng của Henry Đệ Tứ, chỏm hòn đảo gút lại trông như mũi tàu sắc lẹm và bên bờ nước có một công viên nhỏ đầy những cây dễ khổng lồ tươi tốt, và dưới sông, nơi dòng Seine chảy qua tạo thành khối nước ngược, là những ổ cá tuyệt vời. Ta có thể theo những bậc cầu thang xuống công viên để xem người câu cá đang thả câu ở đấy và ở dưới cây cầu vĩ đại. Vị trí cá hội tụ thay đổi theo mực nước sông và người đi câu dùng loại cần nỏ nhiều đoạn, có dây chằng mảnh, bánh quay nhẹ với phao lông, và nhử mỗi nơi thả câu một cách chuyên nghiệp. Bao giờ họ cũng bắt được cá, nhất là loại cá giống như chép gọi là goujon. Loại này cứ để thế mà rán thì nhất và tôi có thể xơi hết cả một đĩa đấy. Chúng béo tròn, ngọt thịt, vị còn tuyệt hơn cả cá mòi tươi, và ta có thể ăn trọn cả xương.

Một trong những nơi ta có thể thưởng thức ngon nhất loại cá này là quán ngoài trời ở Hạ Meudon bên kia sông mà chúng tôi vẫn đến mỗi khi có tiền đi ăn ngoài. Cái nhà hàng La Pêche Miraculeuse ấy phục vụ thứ rượu trắng tuyệt hảo dòng Muscadet. Ở đó có không gian của truyện Maupassant với phong cách nhìn ra

sông giống như Sisley đã vẽ. Không cần đi đâu quá xa mới thưởng thức được goujon. Ngay trên Ile St-Louis cũng có loại cá rán cừé phách.

Tôi quen biết nhiều người thả câu trong những ổ cá màu mỡ trên dòng Seine, giữa Ile St-Louis và quảng trường Verte-Galente và có khi, trong ngày sáng trời, tôi mua một lít rượu, một ổ bánh mì, một ít xúc xích rồi ngồi dưới nắng đọc một trong những quyển sách vừa mua được và ngắm mọi người câu cá.

Các nhà văn viết du ký tả những người câu cá sông Seine như bọn điên và muôn đời không câu được gì những thật ra đây lại là những người câu cá nghiêm túc và hiệu quả. Hầu hết những người ngồi câu hoặc thuộc thành phần đang nhận chút tiền trợ cấp còm không biết khi nào thì trở thành vô nghĩa so với tốc độ lạm phát, hoặc là những tay câu có nghề ra đây ngồi mỗi khi được nghỉ làm một ngày hay nửa ngày. Tốt hơn hết nên thả câu ở Charenton, vì ở đó dòng Marne chảy vào sông Seine, và ở phía bên kia Paris, nhưng câu ở Paris cũng không tồi chút nào. Tôi không câu vì không có đồ nghề, và cũng vì muốn dành dụm tiền để đi câu ở Tây Ban Nha. Vả lại tôi cũng không biết lúc nào xong việc và lúc nào sẽ đi, và không muốn bị lệ thuộc vào chuyện câu cá khi hào hứng lúc chán chường ấy. Nhưng tôi theo sát trò này vì nó hấp dẫn và rất đáng tìm hiểu và bao giờ tôi cũng thấy vui khi ngay trong thành phố có những người câu cá, những người ngồi câu nghiêm túc, chuyên nghiệp để kiếm chút ít friture đem về cho cả nhà.

Đi suốt dọc dòng sông tôi không bao giờ thấy cô quạnh vì có người câu cá cùng với sinh hoạt sông nước, có những chiếc thuyền với đời sống trên boong, có những tàu kéo lai dắt sà lan, ống khói gập lại được để chui qua cầu, có những cây du khổng lồ trên bờ đá dòng sông, những cây tiêu huyền và cây dương dây đó. Ta có thể nhận ra mùa xuân đang đến từng ngày trên rất nhiều cây trong thành phố cho đến một đêm đầy gió ẩm bất ngờ mang nó đến vào buổi sáng. Thỉnh thoảng có những cơn mưa lạnh nặng hạt đẩy lùi nó khiến mùa xuân như sẽ không bao giờ đến và ta đang mất một mùa xuân trong đời. Đây là khoảng thời gian duy nhất thật sự buồn ở Paris vì nó không tự nhiên. Ta chỉ chuẩn bị tâm thế buồn cho mùa thu. Ta chết dần qua từng năm cùng với những chiếc lá rụng, phơi những cành trơ trọi trong gió và trong ánh sáng mùa đông lạnh giá. Nhưng luôn sẽ có mùa xuân để dòng sông chảy lại sau một mùa đông cứng. Thế nên, những cơn mưa lạnh cứ mãi trút xuống tàn sát mùa xuân chẳng khác nào một người phơi phơi thanh xuân đột ngột qua đời.

Dẫu vậy, trong những ngày ấy, rốt cuộc mùa xuân cũng đến, nhưng ta đã được một phen hoảng hốt vì ngỡ sựt nữa đã mất cả một mùa.

Một mùa xuân hụt

Khi mùa xuân đến, dù là mùa xuân hụt, không có vấn đề gì ngoài mỗi một việc là tìm nơi tận hưởng đến cùng. Thứ duy nhất làm hỏng một ngày chính là con người và nếu ta tránh được các cuộc hẹn thì mỗi ngày sẽ là vô tận. Con người luôn là nhân tố làm mất vui, trừ một vài người hiếm hoi vốn tươi trẻ như chính mùa xuân.

Vào những sáng mùa xuân, tôi thức dậy làm việc sớm trong khi vợ vẫn đang ngủ vùi. Cửa sổ mở toang và bên ngoài gạch lát đường khô dần sau mưa. Mặt trời hong khô bề mặt ẩm ướt của những ngôi nhà đối diện cửa sổ. Các cửa hàng đóng cửa im lìm. Người chần dè đi lên con đường dốc, thối sáo và người đàn bà sống ở tầng trên chúng tôi bước xuống phố, tay xách chiếc bình lớn. Người chần dè chọn ra một con trong đàn dê đen nhánh, vú căng đầy, và vắt sữa vào bình cho người đàn bà trong khi con chó của ông ép những con dê còn lại dạt vào bên đường. Những con dê xoay đầu nhìn ngang nhìn ngửa như khách tham quan. Người chần dè nhận tiền, cảm ơn người đàn bà, và vừa thối sáo vừa tiếp tục lên dốc, còn đàn dê bị chó lừa về phía trước, đi bập bênh những sừng nhấp nhô. Tôi quay lại bàn ngồi viết và người phụ nữ tay ôm bình đựng sữa bước lên cầu thang. Bà đi loại dép để ní lau nhà và tôi nghe thấy tiếng bà thở khi dừng chân nghỉ ở bậc cầu thang bên ngoài cửa phòng của chúng tôi và sau đó là tiếng đóng cửa. Trong ngôi nhà này, bà là khách hàng duy nhất của người bán sữa.

Tôi quyết định đi xuống nhà để mua tờ tin đưa ngựa buổi sáng. Cho dù nghèo đến đâu chẳng nữa thì quận nào cũng có ít nhất một tờ chuyên đưa tin đưa ngựa, nhưng ta phải đi mua sớm vào lúc đầu ngày như thế này. Tôi mua được một tờ trên đường Descartes, góc quảng trường Contrescarpe. Những con dê cũng đi xuống theo đường Descartes và tôi ngửi thấy mùi chúng trong không khí, rồi tôi đi nhanh về, lên cầu thang để vào phòng làm nốt công việc. Đã có lần tôi bị đàn dê cám dỗ ra ngoài và theo chúng xuống phố trong

sớm tinh mơ. Nhưng trước khi bắt đầu làm việc trở lại, tôi liếc qua tờ báo. Có cuộc đua ở Enghien, một trường đua chụp giật, nhỏ mà dễ thương, nơi tập trung bọn ngựa hạng bèo.

Thế là hôm ấy sau khi làm xong việc, chúng tôi đi đến trường đua. Tòa soạn ở Toronto, nơi tôi làm việc, có chuyển cho một ít tiền và chúng tôi muốn thử vận may. Ở Auteuil, vợ tôi từng theo một chú ngựa tên Chèvre d'Or với tỉ lệ cược một ăn một trăm hai mươi và nó dẫn đầu đoàn đến hai mươi thân nhưng rồi gục xuống ở bước nhảy cuối cùng chôn vùi theo toàn bộ số tiền chúng tôi dành dụm đủ sống trong sáu tháng. Chúng tôi cố không bao giờ nghĩ đến chuyện đó nữa. Trong cái năm ấy, đời chúng tôi vẫn tươi rói cho đến khi xảy ra chuyện với Chèvre d'Or.

“Chúng mình có đủ tiền đặt cược cho tử tế không Tatíe?” Vợ tôi hỏi.

“Không. Ta sẽ chỉ đánh tiếp số tiền thắng cược thôi. Em có cần tiêu gì khác không?”

“Ừ, thì...” nàng đáp.

“Anh biết, mọi chuyện khó khăn nên anh trở nên keo kiệt và bần tiện chuyện tiền bạc.”

“Không phải thế,” nàng nói. “Nhưng mà...”

Tôi biết mình đã quá nghiệt ngã và mọi chuyện tồi tệ như thế nào. Một người chăm chỉ làm việc và hài lòng với công việc mình làm không lý nào lại để cho sự nghèo túng ảnh hưởng mình đến vậy. Tôi nghĩ đến những bồn tắm, vòi sen hay nhà vệ sinh có nút xả nước mà những người kém cỏi hơn chúng tôi còn có, những thứ ta chỉ được dùng khi đi du lịch, như chúng tôi vẫn thường đi. Thay vào đó, với chúng tôi ở cuối đường phía gần sông luôn có sẵn một nhà tắm công cộng. Vợ tôi khóc thương con Chèvre d'Or khi nó ngã quỵ hơn là phàn nàn những chuyện này. Tôi nhớ nàng khóc vì thương con ngựa chứ không phải khóc vì số tiền đã mất. Tôi chẳng hiểu gì khi nàng cần một chiếc áo khoác lông cừu xám và đã rất thích nó khi nàng mua được. Tôi cũng mù tịt trong những chuyện khác nữa. Đó là một phần trong cuộc chiến chống lại sự nghèo đói mà ta không bao giờ thắng một khi vẫn còn tiêu xài. Nhất là khi đem tiền đi mua tranh thay vì mua quần áo để mặc. Những lúc ấy chúng tôi không bao giờ xem mình như những người nghèo. Chúng tôi không chấp nhận điều đó. Chúng tôi vẫn nghĩ mình thuộc đẳng cấp khác và cái bọn người chúng tôi khinh bỉ và không tin được kia chẳng qua chỉ là những kẻ có tiền. Và việc tôi có mặc độn áo bông bên trong thay vì áo lót để ấm người chẳng có gì lạ. Có chăng chỉ lạ với bọn nhà giàu kia. Chúng tôi ăn khỏe và rẻ, uống khỏe và rẻ, ngủ khỏe và ấm nồng khi ôm ấp và yêu thương.

“Em nghĩ chúng ta nên đi,” vợ tôi nói. “Lâu lắm rồi ta chưa đến đó. Chúng ta sẽ ăn trưa và uống chút rượu. Em sẽ làm bánh sandwich thật ngon.”

“Mình sẽ đi xe lửa cho rẻ. Nhưng nếu em thấy không nên thì chúng mình không nhất thiết phải đi. Hôm nay làm gì cũng vui. Một ngày tuyệt vời thế này kia mà.”

“Em nghĩ ta nên đi.”

“Em có muốn làm gì khác hôm nay không?”

“Không,” nàng ngạo nghễ đáp. Khi nàng ngạo nghễ, gò má nàng trông thật đáng yêu. “Chúng ta là ai kia chứ?”

Thế là chúng tôi đi xe lửa từ Gare du Nord băng qua những khu bản thủ và buồn tẻ nhất của thành phố, rồi từ đường tránh tàu, chúng tôi đi bộ đến khu trường đua đầy quyến rũ. Hãy còn sớm và chúng tôi trải áo mưa lên bờ cỏ vừa cắt tĩa để ngồi ăn trưa, uống rượu và ngắm cái khán đài cũ, ngắm những quầy cá độ bằng gỗ nâu, màu xanh của trường đua, màu xanh thẫm của vào rượt, ánh nâu lấp lánh của vũng nước nhảy, ngắm những tường đá trắng hếu bạc màu và những chiếc cọc trắng và đường ray, ngắm bãi tập trung ngựa dưới những tán lá mới và những chú ngựa đua đầu tiên tiến vào. Chúng tôi uống thêm rượu và xem xét mẩu cá cược trên báo rồi thì vợ tôi ngã người trên chiếc áo mưa để ngủ, ánh nắng chiếu thẳng vào mặt. Tôi đến xem qua ngựa thì gặp một người quen biết trong những ngày ở San Siro, Milano trước kia. Ông tư vấn cho tôi hai con ngựa.

“Này, đặt vào chúng cũng không được bao nhiêu. Nhưng cũng đủ dùng để mất cơ hội này.”

Chú ngựa đầu tiên giúp chúng tôi thắng với một nửa số tiền mang theo và chú ngựa, tỉ lệ một ăn mười hai đã nhảy tuyệt đẹp, dẫn đầu phía bên kia trường đua và tiến về đích trước bốn thân. Chúng tôi cất đi một nửa số tiền và đặt nửa còn lại vào chú ngựa thứ hai. Chú ngựa này bứt phá lên trên dẫn đầu suốt chặng đường đua có rào chắn, nhưng đến đường băng thì bị con ngựa ứng cử viên vô địch rút ngắn khoảng cách sau từng bước nhảy, và anh chàng chỉ kịp cán qua vạch đích dưới cơn mưa của hai cái roi thì nhau quật xuống.

Chúng tôi làm một ly sâm banh ở quầy bar dưới khán đài đợi kết quả chung cuộc.

“Chà, cái trò đua ngựa này lao tâm khổ tứ ra phết,” vợ tôi nói, “Anh có thấy con ngựa kia đuổi theo con ngựa của chúng ta như thế nào không?”

“Anh mà còn rạo rức đây này.”

“Tỉ lệ cược thế nào?”

“Cote (tỉ lệ cược niêm yết) là một ăn mười tám. Nhưng có lẽ vào phút chót còn tăng lên nữa.”

Bọn ngựa lần lượt đi ra, chú ngựa của chúng tôi ướm sừng, hai lỗ mũi mở to phập phồng thở, anh nài vỗ vỗ chú.

“Tội nghiệp nó,” vợ tôi nói. “Còn ta thì chỉ ngồi cá cược.”

Chúng tôi quan sát đoàn ngựa đi qua, làm thêm một cốc sâm banh nữa, và tỉ lệ cược sau cùng hiện lên: 85. Có nghĩa là cứ mười franc sẽ ăn được tám mươi lăm franc.

“Chắc có nhiều người đặt lớn vào phút cuối.” tôi nói.

Nhưng chúng tôi đã kiếm được rất nhiều tiền, một số tiền lớn đối với chúng tôi và giờ chúng tôi có cả mùa xuân lẫn tiền bạc. Tôi nghĩ đấy là tất cả những gì chúng tôi cần. Trong một ngày mỹ mãn như thế, mỗi người giữ lại một phần tư số tiền thắng cược để xài thì vẫn còn một nửa dành để cá cược tiếp. Tôi bí mật cất số tiền đầu tư ấy vào một chỗ riêng không chung đụng với những khoản khác.

Trong năm ấy, sau một lần đi xa về và gặp may lần nữa trong trường đua, trên đường về nhà, chúng tôi qua quán Prunier, ngồi ở chỗ quầy bar sau khi nghiên cứu thật kỹ bảng giá rất cụ thể của bao nhiêu sơn hào hải vị treo trên cửa sổ. Chúng tôi ăn hào và cua México cùng với rượu Sancerre. Chúng tôi đi bộ về qua Tuileries trong đêm và đứng lại bên kia cổng Arc du Carrousel mà ngắm nhìn khu vườn tối, đằng sau khối đêm đen ấy hiện lên nền sáng của quảng trường Concorde và một dây ánh sáng nổi lên chạy về hướng Khải Hoàn Môn. Rồi chúng tôi quay lưng nhìn điện Louvre tối om và tôi nói: “Em có nghĩ là ba cái cổng chào nằm trên một đường thẳng không? Hai cái này cùng với cái Sermione ở Milano ấy.”

“Em không biết, Tatìe ạ. Chắc phải có lý thì người ta mới nói thế chứ. Anh có nhớ lần chúng mình đi ngoài trời xuân bên đất Ý ở đèo St-Bernaud sau khi leo tuyết không, sau đó anh, Chink và em đã cuốc bộ trợn một ngày xuân đến Aosta?”

“Chink gọi đó là “đi giày chùng diện mà leo đèo St-Bernaud”. Nhớ đôi giày của em chứ?”

“Ồi đôi giày tội nghiệp. Anh có nhớ chúng mình ăn cốc trái cây tại quán Biffi ở Galleria không, có Capri, đào tươi và dâu tây đại trộn với đá trong vò thủy tinh cao?”

“Chính vì nhớ lúc ấy mà anh nghĩ đến chuyện ba cái cổng này.”

“Em nhớ cái Sermione. Nó trông giống cái cổng chào này.”

“Em có nhớ nhà trọ ở Aigle nơi em và Chink ngồi ngoài vườn đọc sách trong khi anh đi câu không?”

“Nhớ chứ, Tatìe.”

Tôi nhớ dòng Rhône hẹp, xám xịt đầy tuyết và hai luồng cá hồi bên mỗi bờ, nhớ dòng Stockalper và dòng kênh Rhône. Dòng Stockalper ngày ấy rất trong, trong khi dòng kênh Rhône hãy còn ảm đạm.

“Em có nhớ khi những cây dẻ ngựa trở hoa và anh cố nhớ ra câu chuyện mà Jim Gamble đã kể cho anh nghe về loại nho tím, nhưng không tài nào nhớ nổi không?”

“Có chứ, Tatíe. Anh và Chink lúc nào cũng nói với nhau chuyện viết như thế nào để mọi vật trở nên như thật, phải viết và đặt chúng vào đúng vị trí mà không miêu tả. Em nhớ tất cả mọi chuyện. Khi thì anh ấy đúng, khi thì anh. Em nhớ những câu chuyện về cách hiểu, về kết cấu, về sự thể hiện đề tài mà các anh tranh luận.”

Giờ thì chúng tôi đã đi qua cổng điện Louvre, sang đường ra bên ngoài và dừng trên cầu, tựa vào thành đá mà ngắm dòng sông đang trôi bên dưới.

“Ba chúng ta đã tranh cãi về mọi thứ, lúc nào cũng là những chuyện cụ thể và chúng ta trêu đùa nhau suốt. Em nhớ tất cả những gì chúng ta đã trải qua và tất cả những gì ta nói trong cả chuyến đi,” Hadley nói. “Nhớ thật sự đấy. Nhớ tất cả mọi chuyện. Khi anh và Chink nói chuyện, em đều được tham gia. Không phải đóng vai trò làm vợ như mỗi khi đến nhà Miss Stein.”

“Anh nhớ gì nhớ ra câu chuyện có nhắc đến nho tím.”

“Câu chuyện thì có gì quan trọng đâu. Loại nho ấy mới quan trọng chứ, Tatíe.”

“Em nhớ lần anh tha rượu từ Aigle về nhà gỗ chứ? Rượu ta mua khi ở nhà trọ ấy. Họ bảo ta phải nhắm với cá hồi. Chúng ta gói rượu trong tờ La Gazette de Lausanne, anh nghĩ thế.”

“Rượu Sion còn ngon hơn. Anh có nhớ bà Gangeswisch chế biến cá hồi thành gỏi khi mình quay về nhà gỗ không? Loại cá tuyệt vời làm sao, Tatíe, và chúng ta đã ngồi uống Sion và ăn đã đời bên hiên nhà, dưới chân là sườn núi chầy dốc xuống còn bên kia hồ là rừng Dent du Midi phủ tuyết đến lưng chừng và cửa sông Rhône rậm cây đổ nước vào hồ.”

“Cứ vào mùa đông và mùa xuân là chúng ta lại nhớ Chink.”

“Bao giờ cũng thế. Ngay cả bây giờ, khi mọi thứ đã trôi qua, em vẫn nhớ.”

Chink là dân lính chuyên nghiệp tốt nghiệp Sandhust đến chinh chiến ở Mons. Tôi gặp anh lần đầu ở Ý và anh trở thành người bạn thân nhất của tôi, rồi thành bạn thân nhất của chúng tôi trong suốt một thời gian dài. Khi ấy, cứ mỗi lần nghỉ phép là anh lại đến ở với chúng tôi.

“Anh ấy đang cố gắng lấy phép mùa xuân tới. Tuần trước ở Cologne anh ấy viết thư bảo thế.”

“Em biết. Chúng ta nên tận hưởng thời gian này từng phút từng giây.”

“Chỗ này nước đang vỗ vào trụ cầu. Thử nhìn ngược lên phía kia dòng sông xem ta thấy gì nào?”

Chúng tôi cùng nhìn và thấy tất cả ở đây: dòng sông của chúng tôi và thành phố của chúng tôi và hòn đảo trong thành phố của chúng tôi.

“Chúng mình thật may,” nàng nói. “Em mong là Chink sẽ đến. Anh ấy sẽ chăm sóc chúng ta.”

“Anh ấy không có ý định đấy đâu.”

“Đương nhiên là không rồi.”

“Anh ấy sẽ nghĩ cùng ta phiêu lưu.”

“Đúng đấy. Nhưng còn tùy chúng ta phiêu lưu gì nữa.”

Chúng tôi qua cầu và đã ở phía bên kia bờ sông của chúng tôi.

“Em đói chưa?” tôi hỏi. “Ôi trời, bọn mình. Chỉ có đi và nói.”

“Tất nhiên là đói, Tatíe. Còn anh?”

“Mình tìm chỗ thật tuyệt và ăn một bữa ra trò đi.”

“Ở đâu?”

“Michaud.”

“Tuyệt vời. Nó cũng gần đây thôi.”

Thế là chúng tôi đi ngược đường Saint-Pères đến góc phố Jacob, vừa đi vừa dừng lại ngắm tranh và vật dụng trong nhà qua cửa sổ. Chúng tôi đứng bên ngoài quán Michaud, đọc cuốn thực đơn đặt trên giá. Michaud đông khách và trong khi chờ khách khác ăn xong ra, chúng tôi nhìn chăm chăm vào những bàn khách đã chuyển sang dùng café.

Đi nhiều khiến chúng tôi lại đói và với chúng tôi, Michaud là nhà hàng đắt tiền đầy quyến rũ. Đó cũng là nơi Joyce từng đến cùng gia đình, ông và vợ ngồi tựa lưng vào tường, Joyce tay cầm thực đơn, mắt đeo kính cận dày cộp chăm chú đọc. Nora ngồi bên ông là một thực khách nhiệt tình nhưng tinh tế; Giorgio thì gầy gò, trướng diện, đầu tóc nhìn phía sau bóng lộn; và cô bé Lucia với mớ tóc xoăn dày còn chưa lớn hẳn; tất cả họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Ý.

Đứng ở đó tôi tự hỏi trong tất cả những cảm xúc trào dâng khi ở trên cầu có bao nhiêu phần trăm là do cơn đói. Tôi hỏi và nàng bảo, “Em không biết, Tatíe ạ. Có nhiều kiểu đói khác nhau. Vào mùa xuân còn có nhiều kiểu đói hơn nữa. Nhưng giờ thì hết rồi. Ký ức chính là cơn đói.”

Lúc ấy tôi quả là bị thịt, nhìn qua cửa sổ thấy hai khoanh tournedos (thịt rán tái cả miếng) được dọn ra và chỉ biết mình đói theo kiểu giản đơn.

“Em bảo hôm nay chúng mình gặp may. Dĩ nhiên rồi. Nhưng chúng mình đã được tư vấn và thông tin rất tốt.

Nàng cười to.

“Em không có ý nói về cuộc đua. Anh đúng là ngây ngô. Ý em là chúng ta gặp may ở chuyện khác.”

“Anh không nghĩ là Chink quan tâm đến đua ngựa,” tôi lấp liếm sự chậm tiêu của mình.

“Không. Anh ấy chỉ quan tâm chừng nào đã bị đặt trên lưng ngựa thôi.”

“Em có muốn đến trường đua nữa không?”

“Dĩ nhiên là có. Giờ thì chúng ta có thể đi bất cứ lúc nào chúng ta muốn.”

“Nhưng em thích thật chứ?”

“Dĩ nhiên rồi. Anh cũng thế mà, phải không?”

Sau khi được xếp chỗ, chúng tôi ăn một bữa tuyệt vời ở Michaud; nhưng sau bữa ăn, khi cơn đói đã được giải quyết thì cảm giác giống như đói mà chúng tôi cảm thấy khi ở trên cầu tàu vẫn còn nguyên lúc đi xe bus về. Cảm giác ấy vẫn còn đó khi chúng tôi vào phòng, lên giường và làm tình trong bóng tối. Khi tôi thức dậy, bên ngoài cửa sổ mở với ánh trăng trải lên những mái nhà sau, cảm giác ấy vẫn còn đó trong tôi. Tôi tránh ánh trăng, giấu mặt mình vào bóng tối nhưng vẫn không thể ngủ được và tôi cứ nằm chong chong thể mà nghĩ. Cả hai chúng tôi thức giấc hai lần trong đêm, và lúc này vợ tôi đã chìm vào trong giấc ngủ ngọt lành với ánh trăng lan tràn trên mặt. Tôi cố nghĩ cho ra đây là cảm giác gì và rõ thật là ngốc nghếch. Cuộc sống dường như thật đơn giản vào hôm sau, khi tôi thức dậy, nhận ra một mùa xuân hệt, nghe tiếng sáo cùng đàn dê, và bước ra ngoài mua tờ tin đua ngựa.

Nhưng Paris là một thành phố đã quá già trong khi chúng tôi hãy còn trẻ, vì thế ở đây không có gì là đơn giản, cho dù đó có là sự nghèo túng hay là một món tiền bất chợt, cho dù đó có là ánh trăng, hay là đúng là sai, hay chỉ là hơi thở của người đang nằm bên ta, dưới ánh trăng ngà.

5. Chương 05

Hết một trò tiêu khiển

Trong năm ấy và suốt những năm sau đó, chúng tôi còn nhiều lần cùng nhau đến trường đua sau khi tôi làm xong việc vào buổi sáng, Hadley rất thích và đôi khi còn nghiện nữa. Nhưng đây không giống như những lần leo lên các đồng cỏ ở núi cao trên cả cánh rừng cao nhất, không giống những đêm tha nhau về ngôi nhà gỗ, cũng không như những cuộc đi với Chink, người bạn chí cốt, cùng băng qua ngọn đồi cao để vào một nước khác. Nó cũng không thực sự là những cuộc đua ngựa. Mà đây là đánh bạc trên ngựa đua. Nhưng chúng tôi vẫn gọi đây là đua ngựa.

Đua ngựa không bao giờ can thiệp vào đời sống của chúng tôi, chỉ có con người mới làm được điều đó, nhưng trong suốt một thời gian dài, đua ngựa gần gũi với chúng tôi chẳng khác gì một cô bạn đầy yêu sách. Nghĩ thế hãy là tốt. Tôi vốn khắt khe với con người cũng như những tác hại của nó, đã quá chiều chuộng cô bạn này, kẻ hư hỏng nhất, đẹp đẽ nhất, kích động nhất, ác ôn và luôn đòi hỏi, chỉ vì cô nàng sinh lợi. Để kiếm chác được phải bỏ công còn hơn làm một công việc toàn thời gian mà tôi không thể thu xếp được. Nhưng tôi tự biện hộ với chính mình rằng nó làm tôi viết, dù cho sau cùng, khi tất cả những gì tôi viết đều bị mất hết, chỉ còn sót lại duy nhất một cái truyện viết về đua ngựa nhờ được gửi đi qua đường bưu điện.

Giờ thì tôi thường xuyên đến trường đua một mình, bị cuốn vào và dính líu vào đấy nhiều hơn. Có khi tôi chơi cả hai trường đua trong mùa nếu có thể, ở Auteuil và Enghien. Phải mất cả ngày theo dõi mới ra được những thông số so sánh sáng suốt, nhưng đó không phải là cách kiếm tiền. Đó chỉ là các tính toán trên giấy mà thôi. Chỉ cần mua một tờ báo là sẽ có ngay những thông tin ấy.

Ở Auteuil, ta phải xem cuộc đua từ trên đỉnh khán đài, phải chạy nhanh lên trên để xem tình hình từng con ngựa, xem liệu nó có thể thắng hay không, xem vì nguyên nhân nào hay thế nào mà nó không thắng khi lẽ ra có thể thắng. Phải xem những tỉ lệ cược và tất cả những thay đổi của bảng chấp mỗi khi con ngựa mình theo dõi bắt đầu đua, phải biết nó đua như thế nào và cuối cùng là phải biết cả đàn sẽ thi đấu với nó ra sao. Ngay cả khi chiến đấu hết mình con ngựa của bạn vẫn có thể bị đánh bại, nhưng vấn đề là bạn phải nhận ra được khả năng thắng cuộc của nó. Đó là một việc khó, nhưng ngày nào cũng được ngồi ở Auteuil theo dõi các cuộc đua thì thật hết ý, những cuộc đua chân thật và những con ngựa tuyệt hảo, rồi ta sẽ rành rẽ trường đua y như là những nơi khác ta từng biết. Rồi quen biết nhiều người, nài ngựa và huấn luyện viên và chủ ngựa và rất nhiều ngựa và rất rất nhiều những thứ khác nữa.

Về nguyên tắc tôi chỉ đặt cược chừng nào thấy đặc ý với một con ngựa nào đó, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng đặt niềm tin vào những con ngựa không được ai đoái hoài, ngoài người huấn luyện hay nài cưỡi chúng, và chúng thắng hết cuộc này đến cuộc khác với toàn những tiền của tôi đặt cược. Cuối cùng thì tôi bỏ nghề vì việc này chiếm quá nhiều thời gian, vì tôi quá sa đà và vì tôi đã biết đủ những gì diễn ra ở Enghien và cả ở những trường đua trên đất bằng nữa.

Tôi vui vẻ từ bỏ những cuộc đua nhưng trong lòng cũng xuất hiện cảm giác trống rỗng. Đó là lúc tôi nhận ra rằng bất cứ cái gì tốt hay xấu khi chấm dứt đều để lại trong ta một sự trống rỗng. Nếu đấy là sự chấm dứt của điều xấu thì sự trống rỗng cứ thế mà tự lấp đi. Nhưng nếu đấy là điều tốt, ta chỉ có thể lấp đầy sự trống rỗng ấy bằng một điều gì đó tốt hơn. Tôi cho số tiền cá cược còn lại vào trong quỹ chung và thấy nhẹ lòng.

Vào hôm từ bỏ trường đua, tôi sang bên kia sông gặp Mike Ward, anh bạn làm việc ở bộ phận bán hàng của ngân hàng Guaranty Trust khi ấy đặt trụ sở trên đại lộ Italiens chỗ giao với phố Italiens. Tôi đi gửi ngân hàng khoản tiền cá cược nhưng không nói cho ai biết. Tôi còn không ghi vào sổ séc mà chỉ nhớ trong đầu.

“Ông đi ăn trưa không?” tôi hỏi Mike.

“Được, nhóc. Ừ, tôi đi được. Có chuyện gì à? Cậu không đến trường đua nữa à?”

“Không.”

Chúng tôi dùng bữa trưa trong một tiệm ăn nhỏ giản dị mà rất được ở quảng trường Louvois với thứ rượu trắng cực ngon. Bên kia quảng trường là Bibliothèque Nationale (thư viện Quốc gia).

“Anh ít khi đến trường đua, Mike nhỉ?” tôi hỏi.

“Không, lâu rồi tôi không đến.”

“Sao lại bỏ bằng luôn thế?”

“Tôi không biết,” Mike đáp. “Ừm. Thật ra là biết. Đặt cược chỉ để mua vui không thôi thì chẳng bỏ.”

“Thế anh không bao giờ xem nữa à?”

“Thỉnh thoảng, những cuộc đua lớn thì đi. Cuộc đua nào có ngựa cực xịn ấy.”

Chúng tôi trét patê lên bánh mì rất ngon của quán và nhấp rượu trắng.

“Anh có chơi nhiều không hả Mike?”

“Hừm, có đấy.”

“Thế anh nghĩ cái gì hấp dẫn hơn?”

“Đua xe đạp.”

“Thật ư?”

“Câu không phải cá cược xe đạp mà là xem.”

“Cái trò ấy mất nhiều thời gian lắm.”

“Quá mất thời gian ấy chứ. Chiếm hết thời gian của anh. Tôi không thích người.”

“Có vẻ hay đấy.”

“Hay chứ. Tình hình sao?”

“Tạm tạm.”

“Bỏ cái trò kia là đúng rồi,” Mike nói.

“Tôi bỏ rồi.”

“Khó bỏ lắm. Nghe này, nhóc, hôm nào đấy chúng ta đi xem đua xe đạp đi.”

Đó là một trò hay ho mới lạ mà tôi chưa biết mấy. Nhưng chúng tôi không đi xem ngay. Phải mãi đến sau này. Và nó sẽ trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống chúng tôi khi giai đoạn đầu ở Paris kết thúc.

Nhưng trong suốt thời gian dài, chúng tôi hài lòng quay về với chỗ chúng tôi ở Paris, xa lánh trường đua để đặt cược vào cuộc sống riêng và công việc, cũng như vào những họa sĩ mình biết và cố không đem cuộc sống của mình ra chơi bạc và ngủ trưa dưới một cái tên khác. Tôi bắt đầu viết những truyện về đua xe đạp nhưng không bao giờ viết được cái nào hay như thực tế đang diễn ra trên những đường đua trong nhà cũng như ngoài trời hay trên đường trường. Nhưng dần dà, tôi cảm nhận được sân Vélodrome d'Hiver trong ánh sáng chiều mờ khói với đường đua dát gỗ chắn gờ cao cùng tiếng gió cuốn khi lốp miết trên sàn gỗ lúc các tay đua băng qua, sẽ cảm nhận được nỗ lực và chiến thuật của các tay đua mỗi khi vút lên lao xuống, mỗi người là một phần của guồng máy; tôi sẽ nắm bắt được sự kì diệu của một cuộc đua với cự ly vừa, tiếng ầm ầm của xe mô tô đuôi gắn thanh con lăn do các huấn luyện viên đầu đội mũ bảo hiểm nặng trĩu, người bó trong lớp áo da lưng phồng chán ngắt, ngồi dựa ngửa điều khiển để chắn gió cho các tay đua, và phía sau, những tay đua đội mũ bảo hiểm nhẹ cúi rạp người trên tay lái, chân đạp siết vòng líp sang số lớn, bánh xe trước nhỏ tì vào con lăn gắn sau chiếc mô tô chắn gió, và cuộc tranh chấp tay đôi hấp dẫn hơn bất cứ thứ gì hết, tiếng nổ bùm bụp của các mô tô và các tay đua, khuỷu tay khuỳnh ra cạ rạt rạt vào nhau và bánh xe đan sát sần sát tăng tốc độ vượt lên tụt xuống lách lách với tốc độ chết người cho đến khi một người không thể giữ được tốc độ, bung ra đập vào bức tường không khí dày đặc mà trước đây anh ta được che chắn kỹ.

Có rất nhiều kiểu đua. Đua nước rút trên đường thẳng bấm giờ hay đua theo thể thức thi đấu với hai tay đua ghìm nhau nhiều giây ròng để tìm cách đẩy đối thủ lên trước, rồi từ trong những bước chạy chậm chậm chợt phóng lên sáng lòa với tốc độ kinh hoàng. Có những tiết mục đua đồng đội chạy trong hai giờ, cùng hàng loạt những cuộc đua tốc độ nóng bỏng đầy áp bức chiều, có những cuộc bắn phá tốc độ thuần túy mà mỗi tay đua chỉ có một giờ để chạy với đối thủ thời gian, có những cuộc đua một trăm cây số vừa đẹp vừa nguy hiểm trong năm trăm mét lòng chảo lát gỗ của Stade Buffalo, cái sân ngoài trời ở Montrouge, nơi các cua rơ chạy phía sau những chiếc mô tô to tướng, và Linart, nhà vô địch vĩ đại người Bỉ có biệt danh “tay da đỏ Sioux” nhờ những chiến công của anh, chúi đầu nốc rượu qua cái ống cao su nổi vào cái bình nước nóng giấu dưới áo đua mỗi khi anh cần về đích với tốc độ hoang dại, và những giải vô địch Pháp có mô tô phân khối lớn dẫn đường diễn ra trong đường đua lát xi măng dài sáu trăm sáu mươi mét của sân Parc des Princes gần Auteuil, đường đua hiểm họa nhất trong tất cả các đường đua, nơi tay đua vĩ đại Ganay ngã, sọ bị nghiền nát trong chiếc mũ bảo hiểm với tiếng vỡ nghe như khi ta đập trứng luộc vào đá để bóc vỏ trong một kỳ cấm trại ngoài trời. Thế nào tôi cũng phải viết về cái thế giới kỳ lạ của những cuộc đua kéo dài sáu ngày và sự tuyệt diệu của những vòng đua đường dài qua núi. Chỉ có tiếng Pháp mới có thể diễn đạt được

chính xác nên tất cả những thuật ngữ đều bằng tiếng Pháp, và đó là lý do vì sao viết về đề tài này thật khó. Mike nói đúng, không cần phải cá cược gì. Nhưng đó là chuyện của Paris, của một thời khác.

Đói là một phương cách tốt

Ở Paris nếu bạn ăn không đủ bạn sẽ cồn cào vì các cửa hàng bán bánh đều trưng bày những thứ hấp dẫn ra cửa sổ và người ngồi ăn bên những chiếc bàn đặt trên vỉa hè khiến ta phải nhìn, phải ngửi đủ mùi các món. Khi đã bỏ nghề báo và những gì bạn viết ra ở Mỹ không ai chịu đăng, phải bịa với gia đình có ai đó mời đi ăn trưa bên ngoài, thì không có nơi nào tốt hơn vườn hoa Luxembourg để tìm đến, vì ở đó không phải thấy không phải ngửi mùi thức ăn suốt trên con đường đi từ quảng trường Observatoire đến phố Vaugirard. Ở đó, lúc nào ta cũng có thể vào bảo tàng Luxembourg, và với một cái bụng rỗng không ruột trống huơ trống hoác, những bức tranh trông sẽ sắc nét hơn, rõ hơn và đẹp hơn. Tôi nghiệm thấy những khi đói, tôi cảm được tranh Cézanne rõ hơn và hiểu chính xác cách ông vẽ phong cảnh như thế nào. Tôi từng thắc mắc liệu ông ấy cũng từng đói khi vẽ hay không; nhưng tôi cho là có lẽ ông chỉ ham vẽ mà quên ăn thôi. Những ý nghĩ ấy kỳ quặc nhưng rõ ràng mỗi khi bạn thiếu ngủ hay đói mèm. Sau này tôi cho là Cézanne có lẽ đã đói theo một cách khác.

Ra khỏi vườn Luxembourg ta có thể theo con phố hẹp Férou xuôi xuống quảng trường St-Sulpice và suốt dọc đường vẫn không phải gặp một quán ăn nào, ngoài mỗi quảng trường im ắng với cây và những chiếc ghế dài. Có một đài phun nước trang trí tượng bằng những con sư tử, bờ câu tản bộ trên vỉa hè và đậu trên pho tượng các vị giám mục. Ngoài ra còn có nhà thờ, các cửa hàng bán lễ phục và những thứ có liên quan đến tôn giáo ở phía Bắc quảng trường.

Từ quảng trường, đi xa hơn về phía sông thế nào cũng phải đi qua những cửa hàng bán rau quả, rượu, những hiệu bánh mì bánh ngọt. Nhưng nếu để ý chọn lối đi thì có thể rẽ về phía bên phải vòng qua ngôi nhà thờ đá trắng và đá xám để đi đến phố Odéon rồi rẽ phải đi lên cửa hàng sách của Sylvia Beach, mà không phải đối mặt với quá nhiều tiệm bán đồ ăn thức uống. Không có hàng ăn nào ở trên phố Odéon cho đến tận quảng trường, nơi xuất hiện ba cái quán.

Khi đến 12 rue de l'Odéon cơn đói đã được ghìm xuống, nhưng các giác quan khác lại trào dâng. Những bức chân dung trông khác hẳn, và những quyển sách trông lạ hoắc như thể trước đó ta chưa từng thấy bao giờ.

"Cậu gầy quá đấy, Hemingway ạ," Sylvia thế nào cũng nói thế. "Có ăn uống đủ không đấy?"

"Vâng, có."

"Thế trưa ăn gì rồi?"

Ruột gan tôi cồn cào lên, và tôi đáp, "Tôi đang về nhà ăn đây."

"Lúc ba giờ chiều ư?"

"Tôi không biết là đã muộn thế đâu."

"Adrienne muốn mời cậu và Hadley sắp xếp hôm nào dùng cơm tối. Mời Fargue luôn nhé. Cậu thích Fargue đúng không? Hay là mời Larbaud. Cậu thích ông ấy, tôi biết cậu thích ông ấy. Hay là mời thêm bất kì ai mà cậu muốn. Cậu sẽ bàn với Hadley chứ?"

"Chắc chắn cô ấy sẽ rất vui."

"Tôi sẽ gửi pneu (bức điện) cho cô ấy. Đừng tham việc đến nỗi không ăn uống tử tế đấy."

"Vâng."

"Giờ thì về ăn trưa đi kéo muộn."

"Mọi người có để phần rồi."

"Đừng ăn nguội, bữa trưa phải ăn gì đấy thật nóng vào."

"Tôi có thư từ gì không?"

"Chắc là không. Nhưng đợi tôi xem sao."

Bà tìm rồi thấy một mẫu tin nhắn. Bà ngược nhìn vui vẻ rồi mở cánh cửa ở bàn.

“Có cái này đến khi tôi đi vắng,” bà nói. Đó là một lá thư và tôi cảm thấy có tiền trong đấy. “Đây là thư của Wedderkop,” Sylvia nói.

“Thế là thư của tờ Der Querschnitt gửi rồi. Chị đã gặp Wedderkop chưa?”

“Chưa. Nhưng ông ấy đã từng đến đây với George. Ông ấy sẽ gặp cậu, đừng lo. Có lẽ ông ấy muốn trả tiền trước cho cậu.”

“Sáu trăm franc. Ông ấy bảo sẽ còn nữa.”

“Mừng quá, may mà cậu nhắc tôi chuyện thư từ ấy chứ. Ông-Tử-Tế yêu quý ạ.”

“Chết tiệt là giờ tôi chỉ đăng được trên báo Đức, thế mới nực cười chứ. Chỉ có mỗi ông ấy và tờ Frankfurter Zeitung là chịu đăng.”

“Thật sao? Nhưng cậu có gì phải lo? Cậu có thể đăng truyện trên tờ của ông Ford kia mà,” bà trêu tôi.

“Ba mươi franc một trang ấy à. Xem nào, ba tháng đăng một truyện trên The Transatlantic. Một truyện năm trang vị chỉ kiếm được một trăm năm mươi franc mỗi quý. Sáu trăm franc một năm.”

“Hemingway này, đừng nghĩ đến việc truyện phải đem lại tiền bạc. Quan trọng là viết ra chúng.”

“Tôi biết. Tôi có thể viết. Nhưng chẳng ai đăng. Từ ngày bỏ nghề báo, tôi chẳng kiếm ra tiền.”

“Rồi sẽ có. Kia. Chẳng phải cậu đang cầm trong tay tiền của cái truyện đấy sao?”

“Sylvia, tôi xin lỗi. Bỏ qua những chuyện tôi vừa nói đi.”

“Cậu có lỗi gì kia chứ? Vì lúc nào cũng nói về chuyện này ư? Thế cậu không biết các nhà văn chỉ luôn nói về những rắc rối của họ sao. Nhưng hứa với tôi là cậu sẽ không lo lắng nữa và ăn uống tử tế vào.”

“Tôi hứa.”

“Thế thì bây giờ về nhà ăn trưa đi.”

Khi đã ra ngoài phố Odéon tôi thấy khinh bỉ mình vì đã than thở những chuyện vừa rồi. Tôi hoàn toàn được tự do để làm những gì mình muốn và tôi đã làm một cách xuẩn ngốc. Lẽ ra tôi nên mua một ổ bánh mì thật to mà ăn thay vì bỏ bữa. Tôi đã có thể nhấm nháp vị thơm tho của mẫu bánh mì nâu. Nhưng ăn bánh mì mà không có gì để uống thì khô rã họng. Mì đúng là cái thứ cà rà cảm rằm chết tiệt. Bày đặt ra vẻ ái ố sang trọng mỉa miêu một cách lố lăng. Tôi tự mắng mình. Mì tự bỏ nghề báo. Mì được Sylvia tin tưởng, muốn vay tiền là được. Bà ấy chẳng nề hà gì. Chắc chắn là thế. Vấn đề còn lại là phải biết thỏa hiệp với những điều khác. Đói thì tốt cho sức khỏe và nhờ thế mà những bức tranh trông cũng đẹp hơn. Nhưng được ăn thì cũng tuyệt và bây giờ phải biết tìm chỗ nào để ngồi ăn.

Lipp là nơi ta có thể ăn uống gì đó.

Quán Lipp cách đấy không xa và bụng tôi nhanh nhạy thấu nhận ngay những gì tôi nhìn thấy hoặc ngửi thấy mỗi khi đi qua một nơi, điều đó càng làm tăng thêm khoái cảm trên chặng đường ngắn. Không có mấy khách ăn trong brasserie (quán phục vụ cả đồ ăn và đồ uống) và khi tôi ngồi ở chiếc ghế dài trước bàn, trên tường phía sau có gắn tấm gương, người phục vụ hỏi xem tôi có uống bia không và tôi gọi một distingue, li thủy tinh to loại một lít, cùng sa lát khoai tây.

Bia rất lạnh và thật mê mẩn. Món pommes à l’huile (khoai tây trộn dầu ăn) được ướp chắc thịt và dầu ô liu cực ngon. Tôi xay tiêu đen lên khoai tây và nhúng bánh mì vào dầu ô liu. Làm một ngụm bia lớn rồi ăn và uống thật chậm rãi. Xong món pommes à l’huile tôi gọi thêm lượt nữa cùng một cervelas. Đó là một loại xúc xích to nặng như xúc xích Đức được chế đôi và rưới một lớp sốt mù tạt đặc biệt.

Tôi vét sạch dầu cùng tất cả nước sốt ăn cùng bánh mì và chậm rãi uống, và khi bia không còn lạnh nữa, tôi uống cạn rồi gọi thêm một demi và ngắm bia rót ra cốc. Có vẻ như bia lần này còn lạnh hơn cả distingue và tôi uống hết ngay một nửa.

Mình có gì phải lo lắng chứ, tôi nghĩ. Mình thừa biết những cái truyện ấy là hay và ở quê nhà thế nào có ngày dùng đến chúng. Khi bỏ công việc làm báo, tôi tin rằng truyện của mình sẽ được in. Nhưng những gì tôi gửi đi đều quay ngược trở lại. Điều khiến tôi rất tự tin là việc Edward O'Brien đã chọn truyện "My Old Man" của tôi vào tuyển tập Những truyện ngắn hay nhất và đề tặng tôi quyển sách năm ấy. Nghĩ đến đây tôi cười thành tiếng và làm một ngụm bia nữa. Cái truyện ấy chưa từng đăng trên báo nào và ông phá lệ để tuyển nó vào sách. Tôi lại bật cười và người phục vụ liếc nhìn. Buồn cười bởi vì, sau bao chuyện như thế, ông viết cái tên còn sai. Đó là một trong hai cái truyện còn sót lại của tôi sau khi chiếc va li của Hadley chứa tất cả những gì tôi viết đã bị mất cắp tại Gare de Lyon, khi nàng muốn gây bất ngờ bằng cách âm thầm bê tất cả bản thảo đến Lausanne cho tôi chữa trong những ngày nghỉ trên núi. Nàng cho vào va li những bản gốc, những bản đánh máy, những bản than, tất cả những bản nằm trong bìa giấy. Lí do duy nhất cái truyện này còn sót lại là vì Lincoln Steffens đã gửi nó cho một biên tập viên nào đó nhưng bị gửi trả lại. Nó được bưu điện chuyển đi chuyển lại trong khi những truyện khác bị mất cắp. Cái truyện còn lại có tên "Up in Michigan" tôi đã viết trước khi Miss Stein đến thăm nhà. Tôi không làm thêm bản sao nào khác vì bà bảo nó inaccrochable. Nó nằm lại trong một ngăn kéo nào đó.

Sau khi chúng tôi rời Lausanne sang Ý, tôi đã đưa cái truyện viết về đua ngựa cho O'Brien, một quý ông lịch lãm xanh xao hay bẽn lèn, mắt xanh nhạt và mái tóc suôn thẳng tự cắt, từng sống trong một tu viện trong mạn Rapallo. Đó là khoảng thời gian tệ hại và tôi nghĩ mình sẽ không viết thêm được gì nữa, nên tôi đưa cái truyện ấy cho ông với cảm giác tò mò ngớ ngẩn của một kẻ muốn đưa người khác vào tham quan khoang lái con tàu bị lạc trên biển theo một cách thức hết sức phi lí, hay kiểu như một người gặp tai nạn, cầm cái chân bị cưa còn dính cả giày mà đùa. Ông đọc cái truyện và tôi nhận ra ông còn đau đớn hơn tôi gấp bội. Tôi chưa từng thấy ai bị tổn thương bởi một điều gì đấy chẳng phải là cái chết, hay là nỗi đau thể xác quá sức chịu đựng như thế, ngoài Hadley, khi nàng bảo với tôi mọi thứ đã mất. Lúc ấy nàng đã khóc và khóc như mưa đến nỗi không nói nên lời. Tôi bảo với nàng rằng dù cho có chuyện gì hết sức ghê gớm xảy ra thì cũng không tệ đến thế và hãy bình tĩnh. Chúng ta sẽ xem xét giải quyết. Đến khi ấy nàng mới có thể kể. Tôi vẫn nghĩ là nàng sẽ không mang theo trong chiếc va li ấy cả những bản than nên đã tìm người làm thay việc ở tòa báo, lúc ấy tôi kiếm được khá tiền nhờ làm báo, rồi đáp xe lửa quay về Paris. Nhưng mọi chuyện đúng như thế, và tôi vẫn còn nhớ tôi đã như thế nào trong cái đêm ấy, khi bước vào nhà và nhận ra sự thật. Giờ đây mọi thứ đã qua đi, và Chink khuyên tôi không bao giờ nói về tai họa đó nữa; nên tôi cũng bảo O'Brien đừng có thấy đau xót đến vậy. Việc những tác phẩm đầu đời mất đi có khi lại tốt và tôi nói với ông rằng tình cảm ấy nên dành cho những người lính. Rằng tôi sẽ bắt đầu viết lại, và khi nói thế, tôi đang cố giấu cảm xúc trong lòng mình để xoa dịu sự đau xót của ông mà tôi biết là rất thật.

Khi ngồi ở quán Lipp, tôi bắt đầu nhớ đến thời điểm viết lại cái truyện đầu tiên sau khi mất tất cả. Vì được phân nhiệm vụ tại Rhineland và Ruhr nên tôi đã bỏ dở đợt trượt tuyết mùa xuân ở Cortina d'Ampezzo để quay về với Hadley. Đây là một cái truyện ngắn đơn giản có tên "Out of Season" trong đó tôi cắt bỏ đoạn kết kể chuyện người đàn ông treo cổ tự sát. Tôi làm thế là dựa trên một lí thuyết mới của tôi, theo đó ta có thể cắt bỏ bất cứ phần nào nếu điều ấy khiến truyện trở nên chắc chắn hơn và giúp người đọc cảm được tốt hơn thay vì hiểu hơn.

Hừm, giờ thì những đoạn cần cắt bỏ tôi đã giữ trong tay, họ sẽ không có để hiểu nữa. Không nghi ngờ gì về điều ấy. Chắc chắn họ không cần những thứ ấy. Chắc chắn họ sẽ hiểu cái truyện theo cách thưởng thức một bức tranh. Chỉ cần thời gian và những cảm nhận bằng những gì có trong bản thân họ.

Ta phải kiểm soát được mình khi nhin ăn để khả năng tư duy không bị cái đói điều khiển. Đó là một phương cách tốt và nó có thể dạy ta nhiều điều. Chừng nào những người khác không hiểu được điều đó thì ta vẫn còn nắm giữ được ưu thế trước họ. Chắc chắn như thế, tôi nghĩ. Giờ thì tôi đi trước bọn họ rất xa vì tôi thường xuyên thiếu ăn. Thế nên giờ cũng không tệ lắm nếu buông một lúc để họ theo kịp mình chút đỉnh.

Tôi biết mình cần phải viết một quyển tiểu thuyết. Nhưng điều đó dường như là không thể khi tôi vẫn còn đang chật vật viết những đoạn văn đăng ra phải là chất cốt cho một quyển tiểu thuyết. Giờ đây tôi cần phải viết những cái truyện dài hơn để chuẩn bị thể lực cho chặng đua đường trường. Khi viết cuốn tiểu thuyết trước, chính cuốn sách đã thất lạc cùng chiếc va li ở Gare de Lyon, tôi vẫn chuộng lỏi du dương để dãi non tơ, thứ dễ dàng chết yếu và giả tạo như chính bản thân tuổi trẻ.

Tôi nghĩ thật may là cái tiểu thuyết ấy bị thất lạc, nhưng cũng biết rằng mình sẽ phải viết một quyển tiểu thuyết. Dầu vậy, tôi sẽ gác nó sang một bên cho đến khi nào thấy rõ nhu cầu không viết không được. Bằng

không sẽ rất tệ nếu chỉ chăm chăm viết lấy được như thế phải ăn mỗi ngày. Tôi chỉ viết khi đầy thật sự là việc duy nhất phải làm và ngoài việc ấy ra thì không còn lựa chọn nào khác. Cứ để áp lực tăng dần lên. Trong thời gian ấy, tôi sẽ viết một cái truyện dài về những gì tôi am hiểu nhất.

Giờ thì tôi trả tiền và đi ra ngoài, rẽ phải qua phố Rennes để tránh sự cám dỗ của tách café ở Deux-Margots rồi đi lên Bonaparte, con đường ngắn nhất dẫn về nhà.

Thứ gì mình am hiểu nhất còn chưa viết và chưa bị thất lạc? Thứ gì ta biết sâu sắc nhất và ta quan tâm nhất? Không có sự lựa chọn nào cả. Chỉ có mỗi lựa chọn duy nhất là tìm ra con đường ngắn nhất để đi về nhà và ngồi vào bàn. Tôi đi lên Bonaparte đến Guynemer, qua phố Assas, lên Notre-Dame-des-Champs rồi về Closerie des Lilas.

Ở trong góc, ánh nắng chiếu rọi qua vai, tôi ngồi viết vào sổ ghi chép. Người phục vụ đem ra một tách café crème và trong khi nó còn lạnh tôi uống hết ngay một nửa rồi tiếp tục viết, để trên bàn nửa tách còn lại. Khi ngừng viết tôi vẫn còn muốn ngồi lại với dòng sông nơi tôi có thể thấy cá hồi bơi trong hồ nước, mặt nước dập dềnh cuộn lên vỗ nhịp nhàn vào những súc gỗ bọc quanh chân cầu. Cái truyện lấy cảm hứng từ chiến tranh nhưng không hề kể chuyện chiến tranh trong đó.

Nhưng sáng nào dòng sông cũng vẫn ở đây và việc của tôi là phải viết để làm sống dậy những nơi chốn và bao chuyện khác. Trước mắt tôi vẫn còn thời gian, năm tháng, để làm việc đó mỗi ngày. Những điều khác đều không quan trọng. Giờ đây trong túi tôi là nhuận bút của tờ báo Đức gửi, thế nên không có gì phải lo lắng. Khi tiền này hết sẽ có tiền khác đến.

Giờ đây tất cả những gì tôi phải làm là giữ đầu mình cho thật yên tĩnh và thanh thản cho đến sáng hôm sau, khi bắt đầu làm việc trở lại.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/hoi-he-mien-man>